

# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



SÓNG TĂNG MỚI SẴN SÀNG CHO THÁNG 10

Ngày: 29/09/2025 – 03/10/2025

# NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



# TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

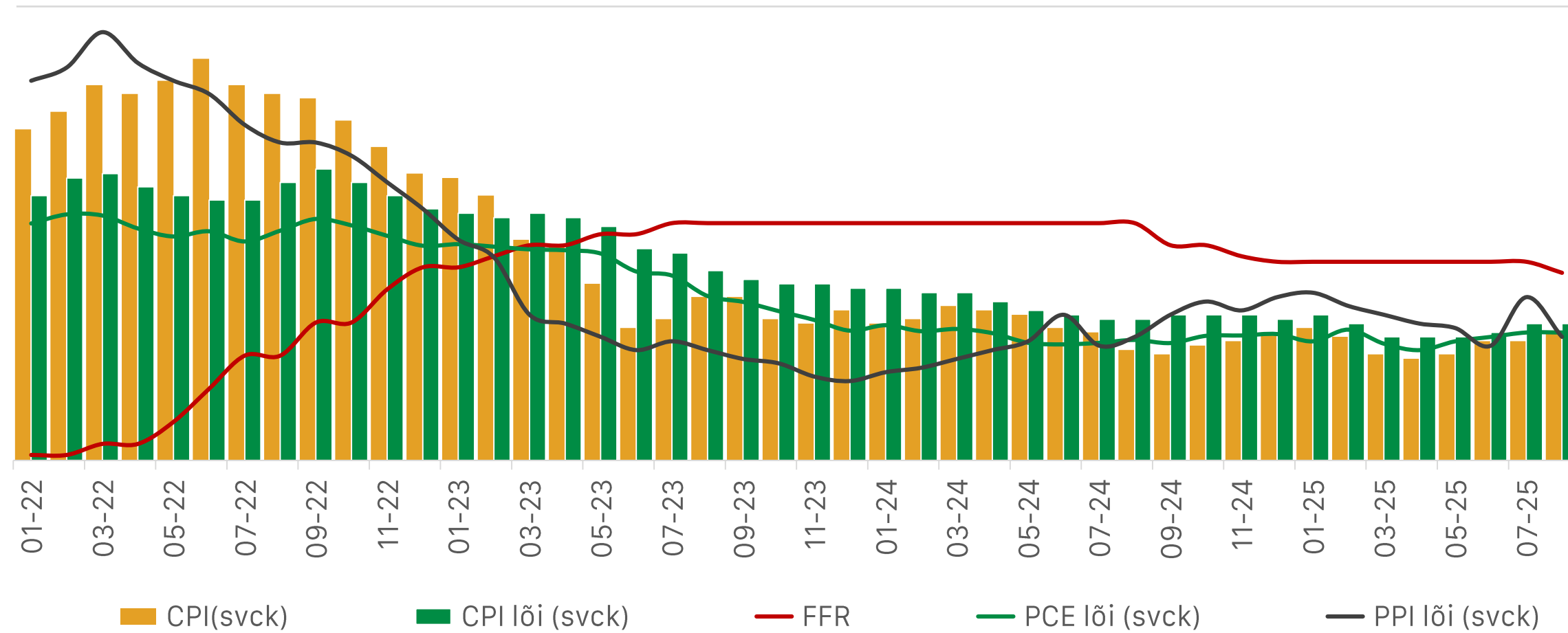


# MỸ : FED BẮT ĐẦU NỠ LÒNG NHƯNG HƯỚNG ĐI TIẾP THEO PHỤ THUỘC VÀO LAO ĐỘNG VÀ LẠM PHÁT

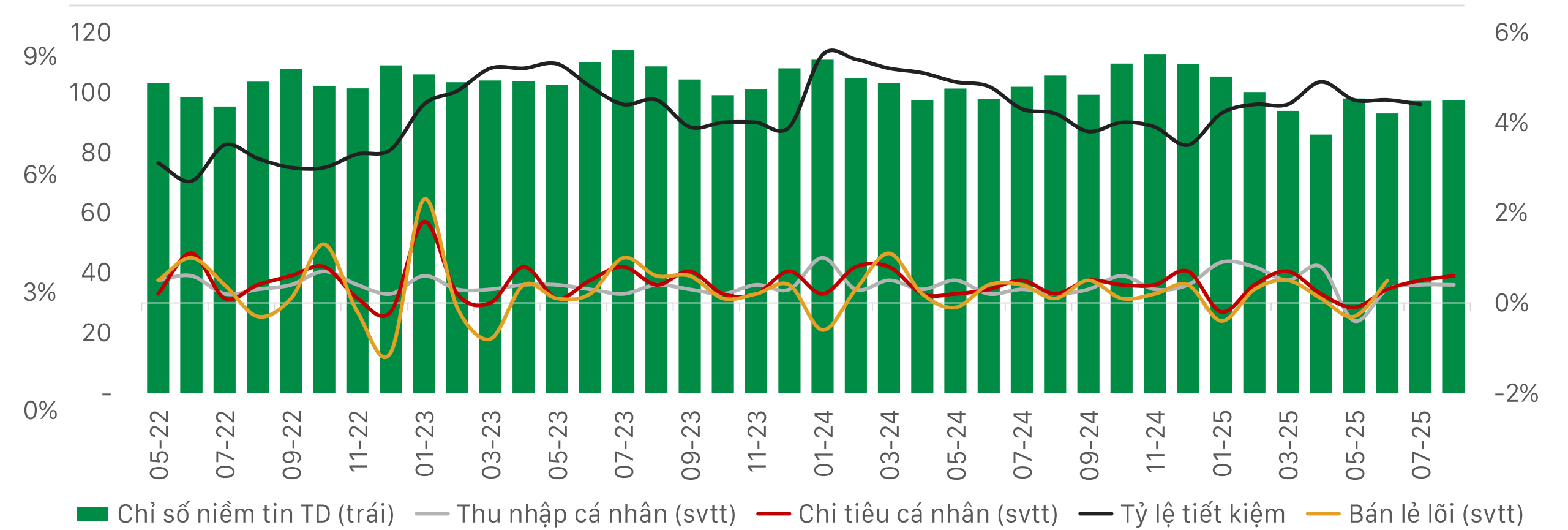


Phục hồi có chọn lọc: GDP Q2 mạnh nhưng nhiều yếu tố do dịch chuyển nhập khẩu/tồn kho; trong khi đó lao động suy yếu là cú huých chính khiến Fed đã và có thể tiếp tục nới lỏng (chu kỳ cắt lãi đã bắt đầu). Kịch bản cơ sở: nếu báo cáo việc làm tháng tiếp theo tiếp tục yếu và lạm phát lõi duy trì xu hướng hạ/ổn định quanh ~2.5–2.8%, Fed có thể thực hiện thêm 1–2 lần cắt 25 bp trong vài tháng tới — điều này sẽ kéo lợi suất ngắn hạn xuống, làm dịu USD và hỗ trợ tài sản rủi ro. Ngược lại, nếu lạm phát bật lại hoặc việc làm bất ngờ mạnh, Fed sẽ tạm dừng; kết quả là thị trường sẽ tiếp tục trải qua giai đoạn biến động cao khi cân bằng giữa rủi ro lạm phát và rủi ro suy yếu tăng trưởng.

## GDP mạnh hơn ở Q2 nhưng yếu tố kỹ thuật lớn

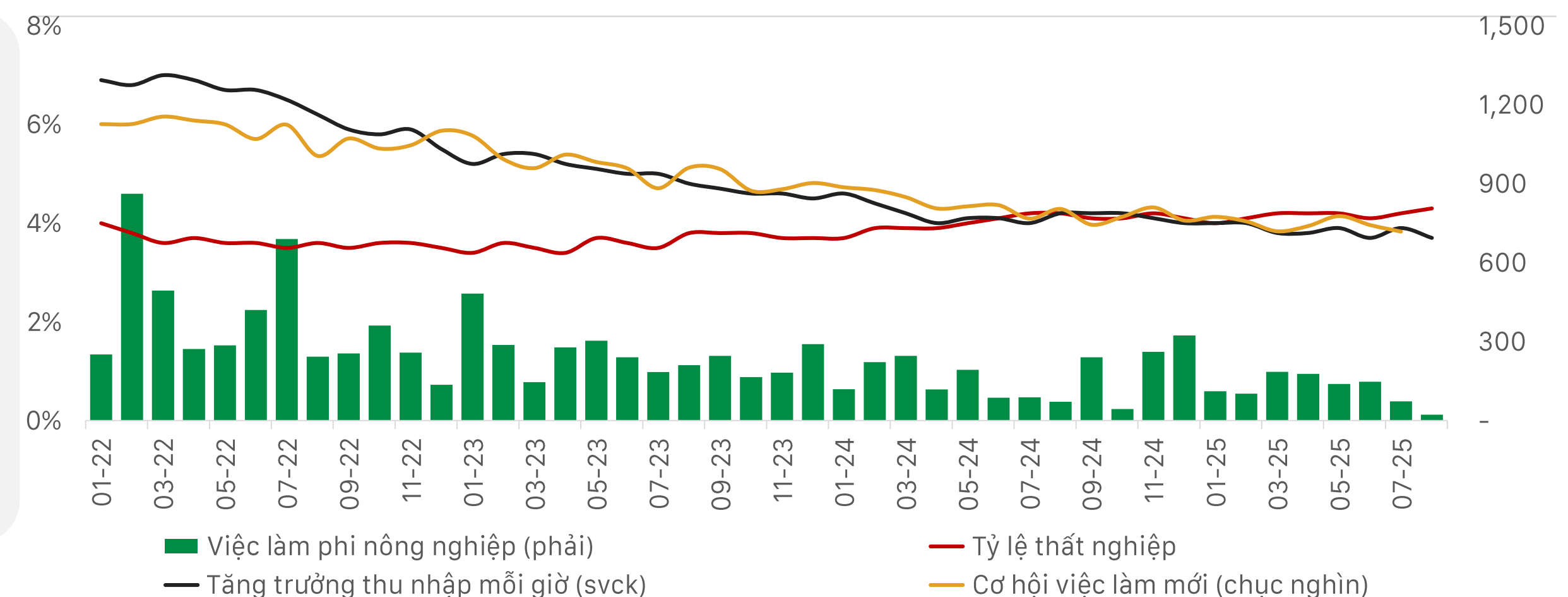


## Lạm phát hạ nhiệt nhưng vẫn chưa rời xa mục tiêu — Fed hành động thận trọng



- **GDP mạnh hơn ở Q2 nhưng yếu tố kỹ thuật lớn.** Q2/2025 được điều chỉnh lên +3.8% (annualized), phần lớn do giảm nhập khẩu và chi tiêu tiêu dùng, nên động lực nội tại chưa thực sự vững.
- **Thị trường lao động đang suy yếu — áp lực cho Fed nới lỏng thêm.** Các chỉ báo việc làm gần đây cho thấy tạo việc làm chậm và tuy đơn xin trợ cấp có giảm so với đáy, bức tranh tổng thể vẫn nghiêng về suy yếu.
- **Lạm phát hạ nhiệt nhưng vẫn chưa rời xa mục tiêu — Fed hành động thận trọng.** PCE/core PCE ổn định quanh ~2.6–2.7%; CPI tháng 8 ở khoảng 2.9% y/y, tạo “khoảng an toàn” nhưng cũng là lý do khiến Fed tiến hành cắt nhỏ có điều kiện.

## Thị trường lao động đang suy yếu — áp lực cho Fed nới lỏng thêm

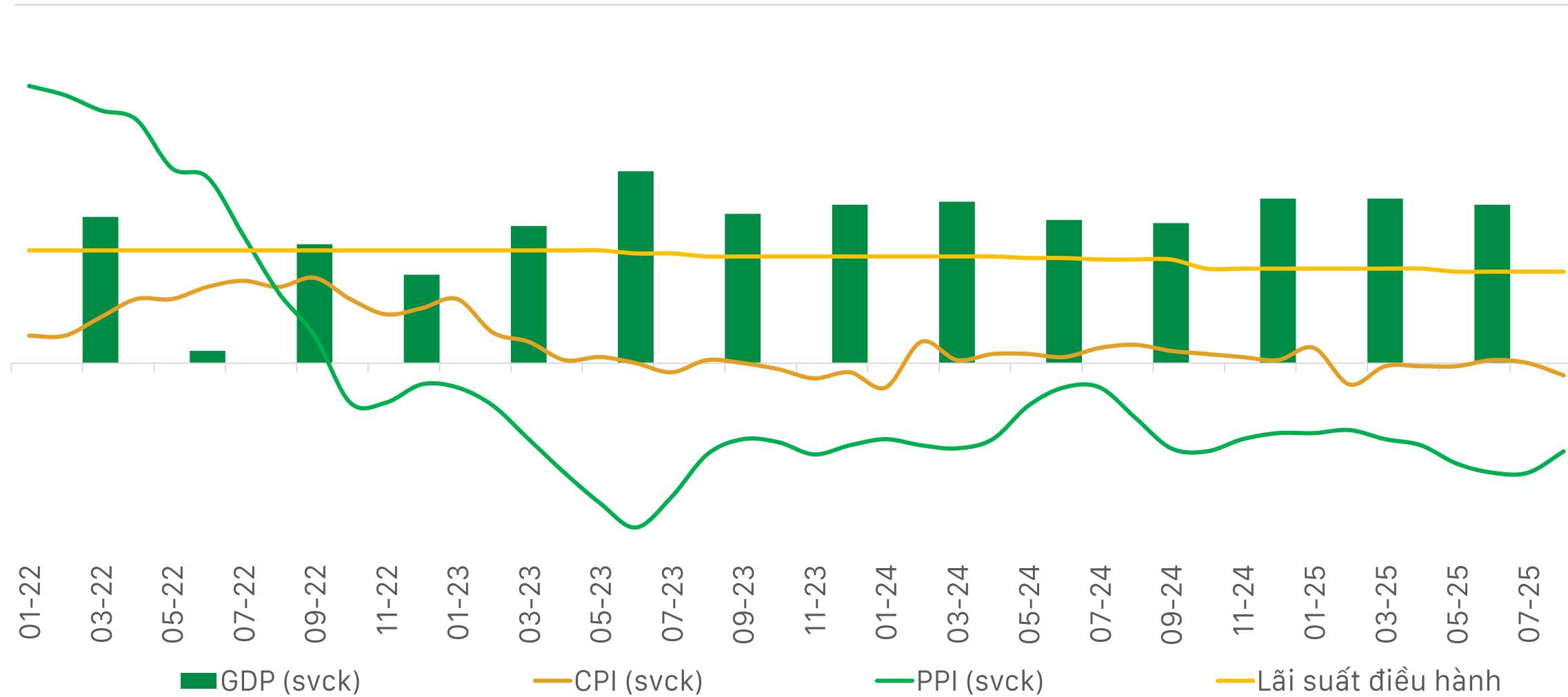


# TRUNG QUỐC: BƠM THANH KHOẢN NHƯNG TIÊU DÙNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VẪN KÌM CHÂN TĂNG TRƯỞNG

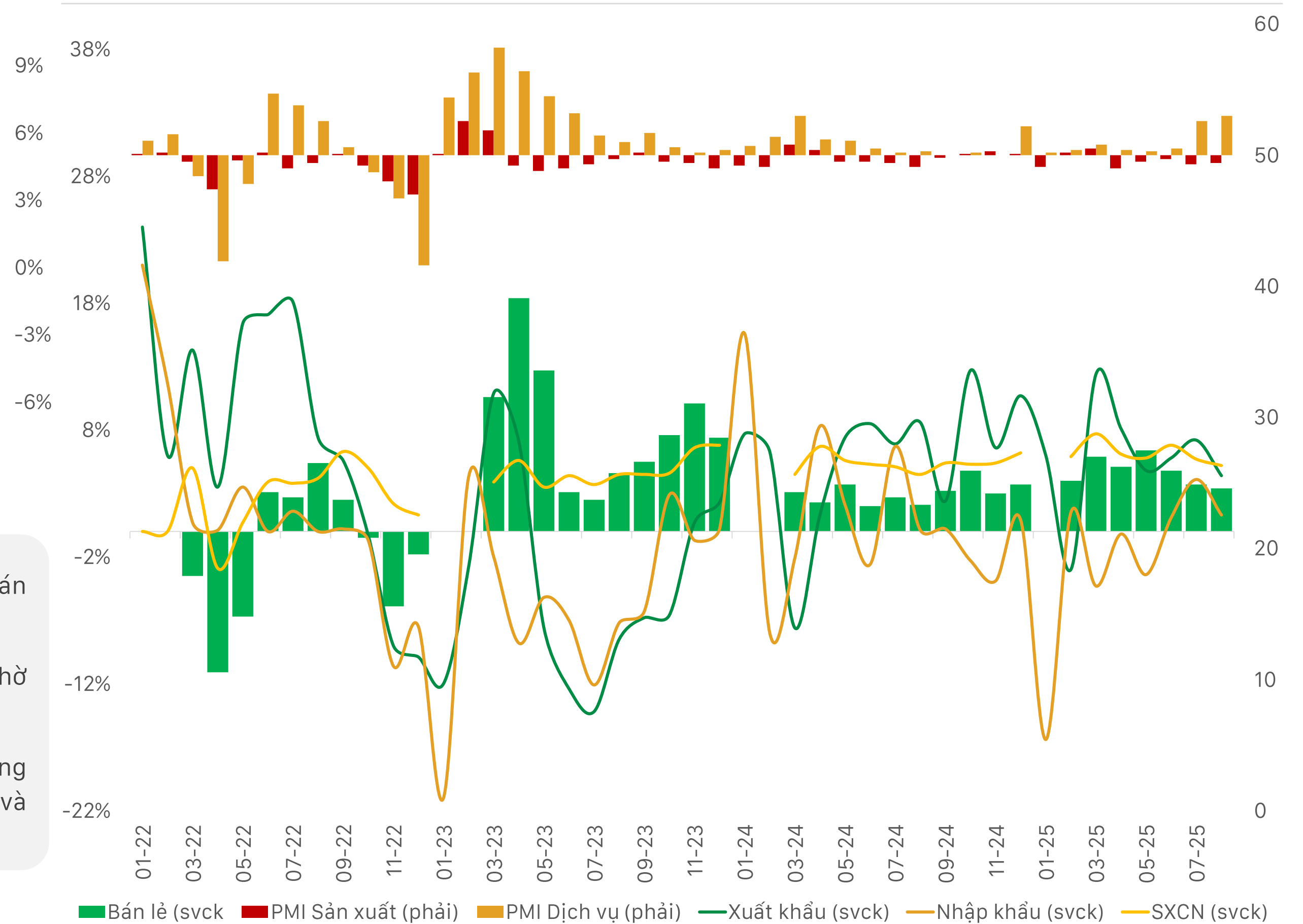


Xuất khẩu và một số ngành công nghiệp vẫn đóng góp cho tăng trưởng, nhưng cầu nội địa — đặc biệt tiêu dùng và đầu tư tư nhân — còn yếu, trong khi khối bất động sản tiếp tục quá trình tái cấu trúc (áp lực lên thanh khoản và niềm tin). Bắc Kinh/PBoC đang ưu tiên hỗ trợ thanh khoản có mục tiêu (inject liquidity, MLF/14-day repo), tránh kích thích đại trà để không khơi lại rủi ro tài sản, đồng thời phối hợp với các biện pháp khuyến khích tiêu dùng dịch vụ. Nếu tiêu dùng và bán lẻ không cải thiện trong 4–8 tuần tới, khả năng tăng trưởng 2025 sẽ hạ nhẹ so với mục tiêu — PBOC có thể mở rộng các biện pháp tín dụng có chọn lọc hoặc giảm RRR nhỏ vào Q4 thay vì hạ mạnh lãi suất nền. Ngược lại, nếu chuỗi giải pháp kích cầu dịch vụ và giải quyết nợ bất động sản có tiến triển, tăng trưởng có thể ổn định quanh mức dự báo (khoảng giữa 4–5%). Theo dõi sát: (i) số liệu bán lẻ & công nghiệp hàng tháng, (ii) diễn biến PPI/CPI, và (iii) tốc độ & quy mô các khoản bơm thanh khoản/MLF của PBoC — chúng sẽ quyết định liệu chính sách chuyển từ “hỗ trợ có chọn lọc” sang nới lỏng rộng hơn hay không.

## PBOC giữ chính sách linh hoạt — bơm thanh khoản nhưng thận trọng với lãi suất



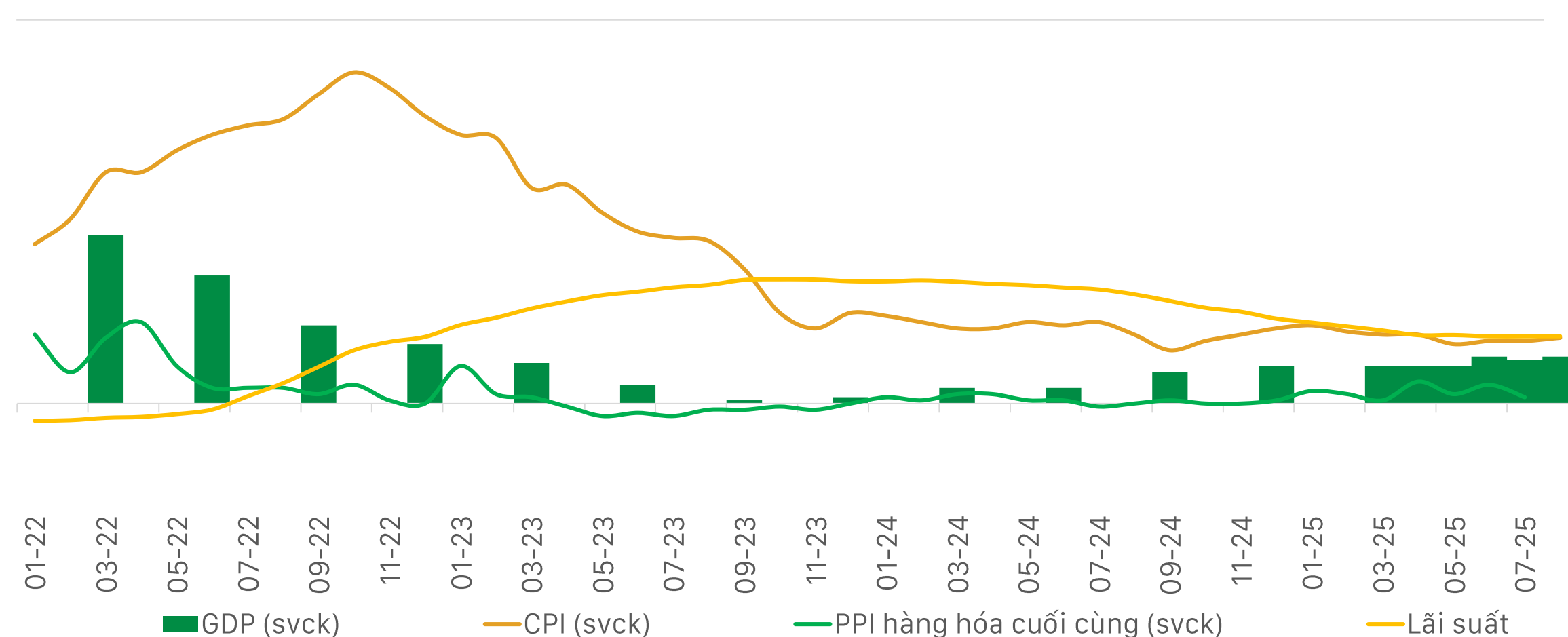
## Tiêu dùng và sản xuất chững lại



- **Tiêu dùng và sản xuất chững lại.** Số liệu gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ suy yếu (điểm vào tháng 8), làm giảm độ bền của đà tăng trưởng ngắn hạn.
- **Áp lực giảm phát công nghiệp vẫn hiện hữu.** PPI còn ở vùng yếu nhưng có dấu hiệu dịu bớt nhờ can thiệp vào “price wars”; rủi ro giảm phát chuỗi cung vẫn là vấn đề.
- **PBOC giữ chính sách linh hoạt — bơm thanh khoản nhưng thận trọng với lãi suất.** Ngân hàng trung ương cam kết hỗ trợ tăng trưởng bằng công cụ định hướng thanh khoản (bơm repo/MLF) và phối hợp với chính sách tài khóa, trong khi duy trì các lãi suất chính ở mức ổn định.

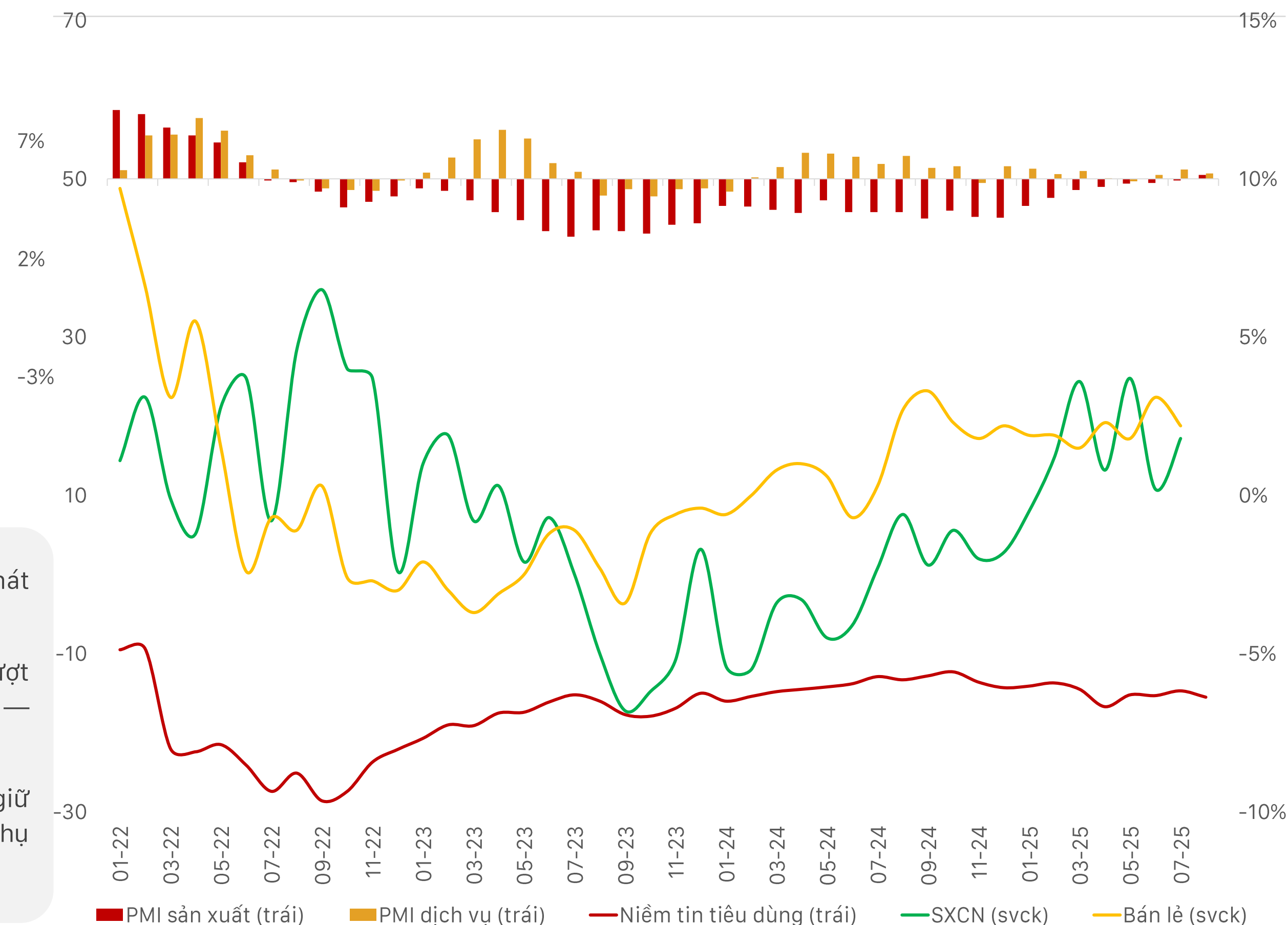
“Ổn định nhưng dễ tổn thương”: lạm phát về gần mục tiêu cho phép ECB tạm dừng chính sách thắt chặt, tuy nhiên nền tảng tăng trưởng vẫn mỏng và phân hoá (Đức/Tây Ban Nha/Pháp di chuyển không đồng bộ). Hệ quả là ECB nhiều khả năng giữ lãi suất ở mức hiện tại trong ngắn hạn, chỉ hành động (cắt hay nới lỏng) khi có bằng chứng rõ ràng về sụt giảm tăng trưởng lan rộng hoặc khi lạm phát kéo dài dưới mục tiêu. Trong kịch bản rủi ro — nếu đơn đặt hàng xuất khẩu giảm sâu, giá năng lượng biến động hoặc biến cố chính trị làm xói mòn niềm tin — khu vực có thể nhanh chóng chuyển từ “ổn định” sang “suy giảm” và buộc tới cả chính sách tiền tệ lẫn tài khóa phải phối hợp mạnh mẽ. Về thị trường, nhà đầu tư nên chuẩn bị cho biên độ biến động lợi suất và tỷ giá cao hơn, ưu tiên theo dõi: HICP hàng tháng, PMI ngành chế tạo/dịch vụ, và các tin tức về thương mại/năng lượng.

## Lạm phát quanh 2% — áp lực chính sách giảm



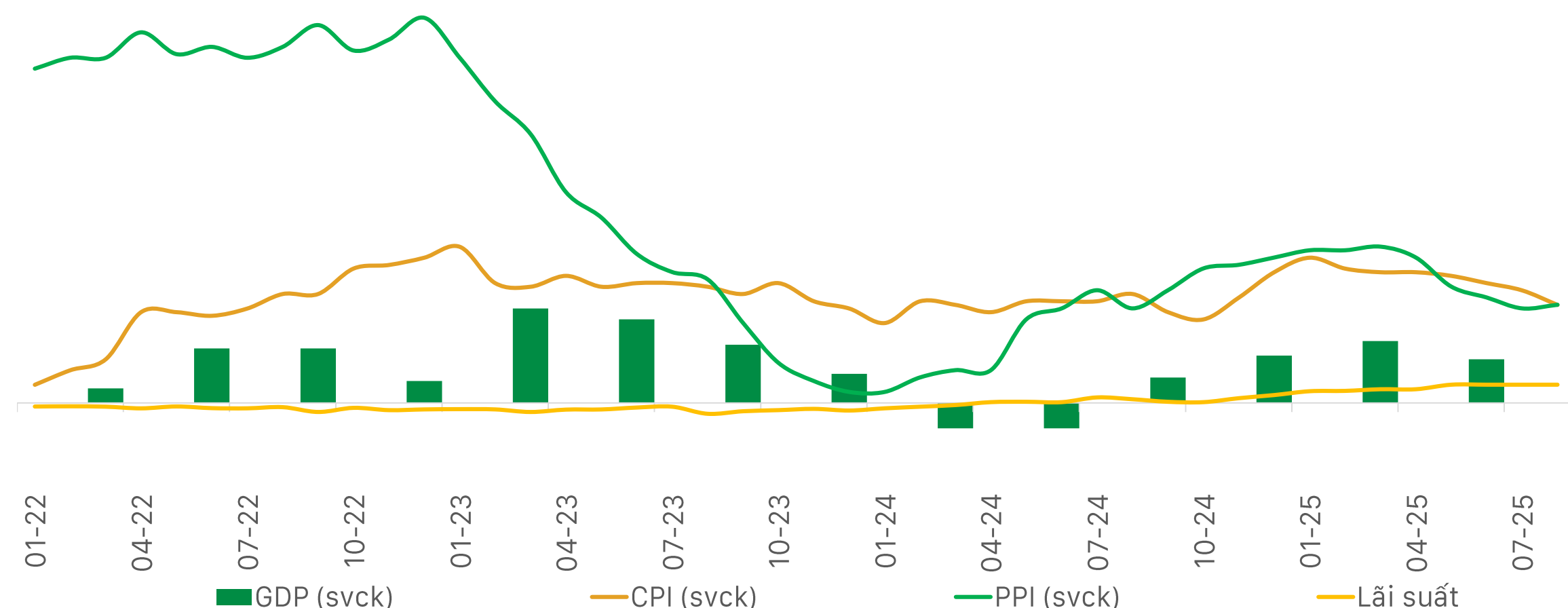
- **Lạm phát quanh 2% — áp lực chính sách giảm.** Flash HICP và số liệu Eurostat cho thấy lạm phát khu vực duy trì ~2.0–2.1%, làm giảm nhu cầu hành động khẩn cấp từ ECB.
- **Tăng trưởng yếu và phân hoá giữa các nền kinh tế.** PMI tổng hợp ghi nhận mức tăng yếu (vượt ngưỡng mở rộng nhưng còn mong manh); Đức có dấu hiệu cải thiện trong khi Pháp vẫn suy yếu — tức động lực nội vùng không đồng đều.
- **ECB giữ lãi ổn định — chính sách dữ liệu-trị giá, rủi ro ngoại sinh còn cao.** Hội đồng ECB đã giữ nguyên ba mức lãi và nhấn mạnh tiếp cận “meeting-by-meeting”; quyết sách tiếp theo sẽ phụ thuộc chặt vào chuỗi HICP, việc làm và tín hiệu bên ngoài (năng lượng, thương mại).

## Tăng trưởng phân hoá — tổng thể yếu, một vài chỉ báo cải thiện cục bộ



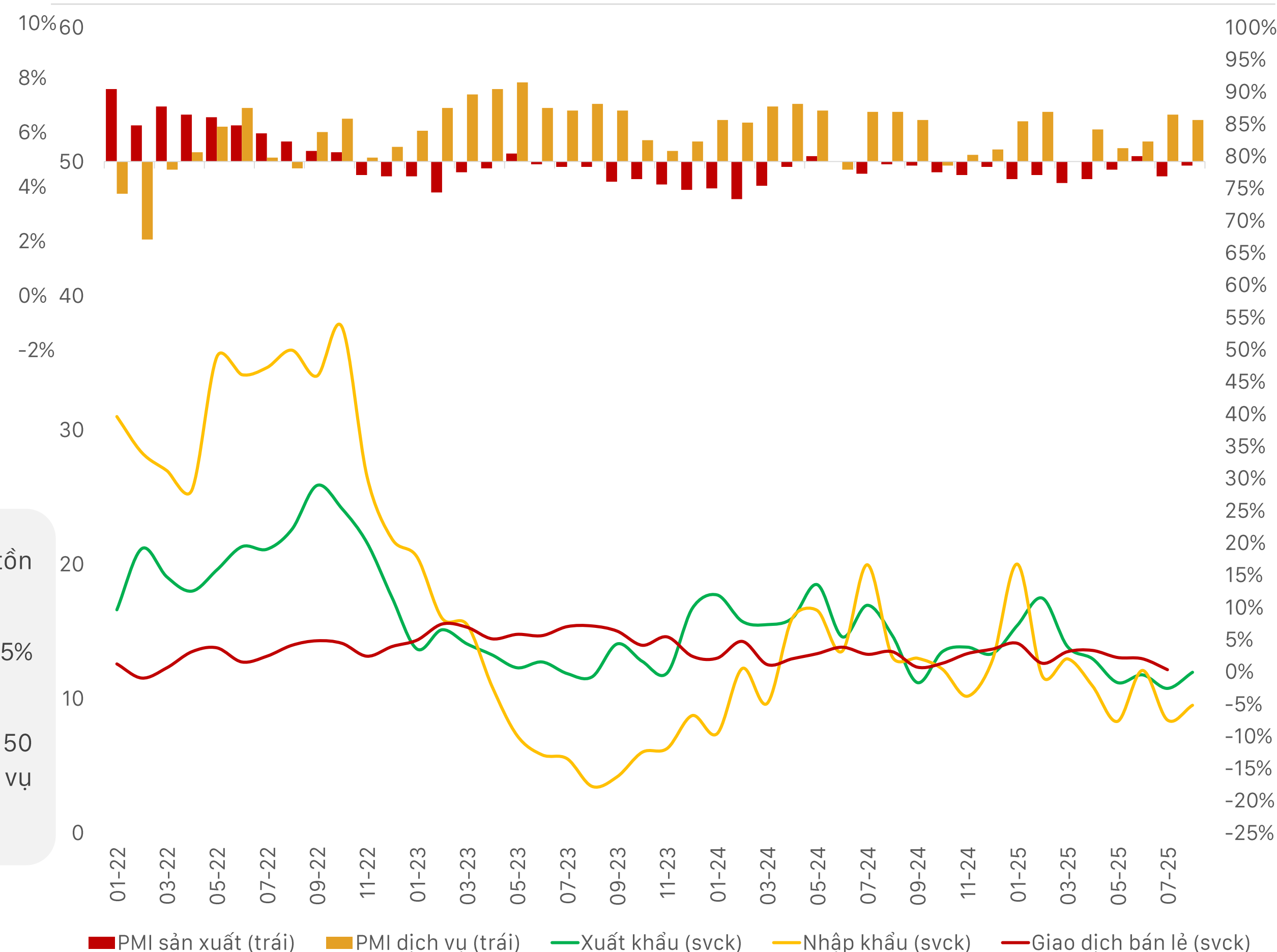
Phục hồi kỹ thuật nhưng dễ tổn thương: lạm phát đô thị vẫn ở mức trên mục tiêu tạo áp lực cho BOJ phải cân nhắc nới lỏng ít hơn — thậm chí có khả năng tăng lãi nếu dữ liệu giá tiếp tục bền vững — trong khi hoạt động sản xuất yếu đi làm giảm độ bền của tăng trưởng. Kịch bản cơ sở: BOJ sẽ duy trì thận trọng — giữ lãi ổn định trong ngắn hạn nhưng sẵn sàng thắt chặt từng bước (một hoặc vài lần tăng nhỏ cuối năm) nếu CPI lõi và chỉ số giá địa phương tiếp tục vững; ngược lại, nếu sản xuất và xuất khẩu suy yếu sâu hơn, BOJ có thể tạm dừng các bước thắt chặt. Trọng tâm theo dõi để cập nhật kịch bản: CPI/core-CPI hàng tháng (Tokyo & toàn quốc), PMI sản xuất/đơn hàng xuất khẩu, và phát biểu/biên bản BOJ về lương và rủi ro bên ngoài.

## GDP Q2 được chỉnh lên, tạo điểm sáng kỹ thuật



- **GDP Q2 được điều chỉnh lên, nhưng yếu tố kỹ thuật rõ.** Q2 được chỉnh lên nhờ tiêu dùng và tồn kho, mang tính tạm thời hơn là dấu hiệu phục hồi nội lực vững chắc.
- **Lạm phát lõi ở Tokyo vẫn trên 2% — giữ áp lực chính sách.** Giá cả cốt lõi tại thủ đô duy trì ~2.5% y/y, khiến BOJ khó bỏ qua áp lực giá dù có xu hướng hạ nhẹ.
- **Sản xuất co hẹp còn dịch vụ tiếp tục hỗ trợ — bức tranh hai tốc độ.** PMI sản xuất giảm dưới 50 (48.4), trong khi dịch vụ giữ mở rộng, cho thấy nền kinh tế lệ thuộc vào tiêu dùng nội địa/ dịch vụ hơn là ngành chế tạo xuất khẩu.

## Sản xuất còn yếu trong khi dịch vụ giữ nhịp — bức tranh hai màu



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	3,768.66	2.3%	10.9%	43.6%	41.8%
WTI/USD	65.19	4.5%	1.6%	-9.1%	-4.4%
Bitcoin	109,371	-5.5%	-2.8%	17.2%	66.4%
Dow Jones	46,247	-0.2%	1.5%	8.7%	9.3%
S&P 500	6,644	-0.3%	2.5%	13.0%	15.8%
Nasdaq	24,504	-0.5%	4.0%	16.6%	22.5%
GP100	9,285	0.7%	0.3%	13.6%	11.6%
DAX	23,739	0.4%	-1.3%	19.2%	21.9%
CAC 40	7,871	0.2%	1.6%	6.6%	1.0%
Euro Stoxx 50	5,498	0.7%	1.9%	12.3%	8.5%
Nikkei 225	45,355	0.7%	6.7%	13.7%	13.9%
Shanghai	3,828	0.2%	0.7%	14.2%	24.0%
Hang Seng	26,128	-1.6%	3.7%	30.3%	26.6%
Vnindex	1,661	0.1%	-0.7%	31.1%	28.6%
Set 50	826	-1.1%	1.1%	-8.9%	-9.8%
VND/USD	26,410	0.1%	0.1%	3.7%	7.4%
DXY	98.15	0.5%	-0.1%	-9.5%	-2.3%

- Tuần qua, thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận sự biến động nhẹ, với các chỉ số chính kết thúc ở mức giảm nhẹ sau khi đạt kỷ lục vào đầu tuần. Bình luận của Chủ tịch Fed Jerome Powell vào thứ Ba cho thấy Fed có thể cắt giảm lãi suất chậm hơn dự kiến, làm tăng áp lực lên lợi suất trái phiếu và cổ phiếu nhạy cảm với lãi suất như các thành phần trong Dow (nhiều công ty công nghiệp và tài chính)
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đi ngang và đóng cửa gần với ngưỡng 1660 của tuần trước. Thanh khoản chung của thị trường tiếp tục suy giảm nhưng tốc độ chậm lại. Giá vàng thế giới trong tuần tăng mạnh khoảng 2.3%, đạt mức cao nhất mọi thời đại mới khoảng 3,768 USD/ounce. Sự tăng giá này tiếp nối đà tăng mạnh từ đầu năm (gần 44%), phản ánh vai trò của vàng như một tài sản trú ẩn an toàn giữa bối cảnh kinh tế toàn cầu bất ổn.. Giá Bitcoin ngược lại điều chỉnh mạnh mất hơn -5% về dưới 110 ngàn USD do thị trường crypto tổng thể lao dốc, với hơn 1,6 tỷ USD vị thế bị thanh lý chỉ trong vài ngày. Dù có sự phục hồi nhẹ vào cuối tuần nhờ dữ liệu lạm phát PCE ổn định, tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng.

# ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



# FED CẮT LÃI SUẤT - VND CÓ THỂ BỚT ÁP LỰC TRONG NGẮN HẠN

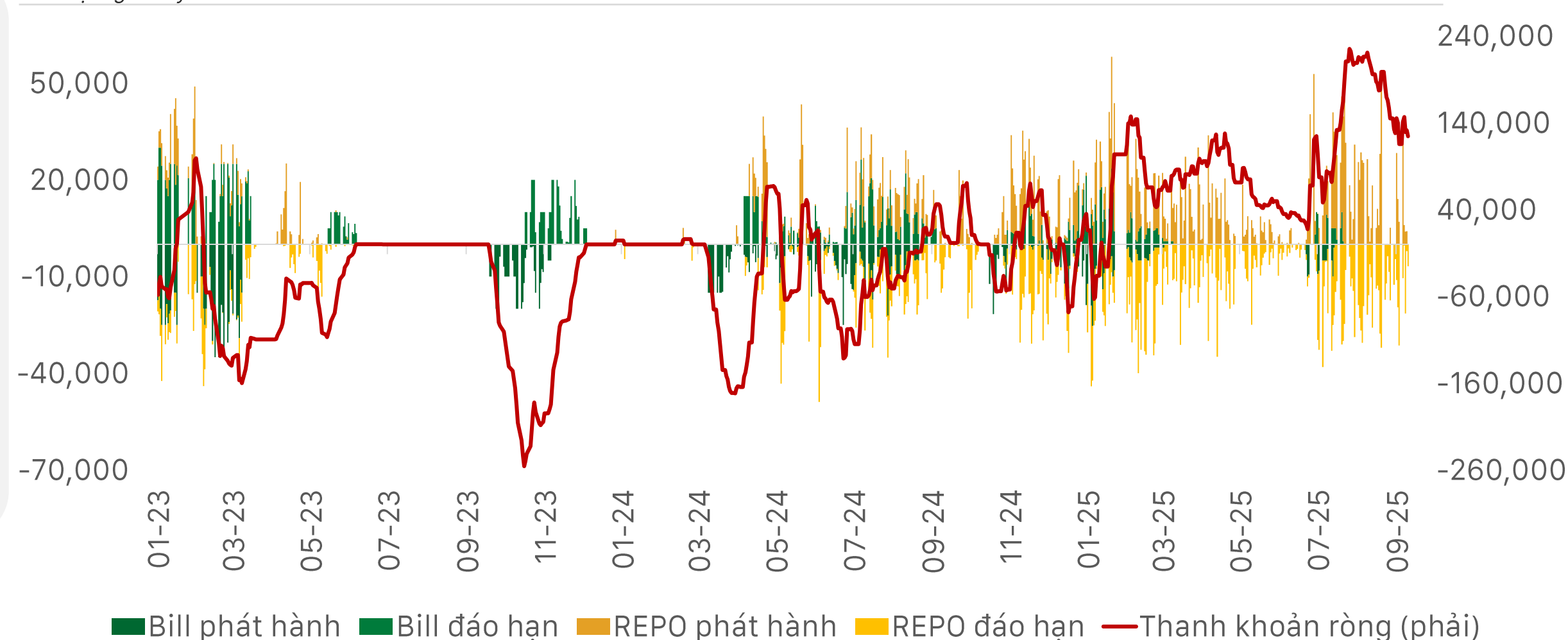


Bức tranh tiền tệ trong nước là “nới lỏng có kiểm soát”: Fed cắt lãi đã giảm bớt áp lực DXY, nhưng USD/VND vẫn neo ở mức cao vì nhu cầu USD nội địa và chênh lệch lãi suất còn lớn; do đó NHNN phải vừa duy trì bơm ròng để ổn định thanh khoản, vừa can thiệp FX có chọn lọc để ngăn tỷ giá bùng phát. Nếu Fed thực sự cắt lãi như thị trường đang định giá, áp lực lên USD/VND có thể giảm dần — tạo điều kiện cho NHNN thu hẹp can thiệp. Ngược lại, nếu dữ liệu Mỹ bất ngờ mạnh, DXY bật lại và sẽ gia tăng rủi ro lên tỷ giá và dự trữ ngoại hối. Theo dõi sát ba chỉ báo: (i) diễn biến DXY & báo cáo việc làm/PCE Mỹ, (ii) mức bơm/hút OMO và khối lượng bán ngoại tệ của NHNN, và (iii) giá USD tại các kênh ngân hàng/tự do — sẽ quyết định cường độ can thiệp và khả năng ổn định tỷ giá trong thời gian tới.

- **DXY hạ nhiệt sau Jackson Hole, thị trường tăng đặt cược Fed cắt lãi.** Sau phát biểu của Chủ tịch Fed tại Jackson Hole và loạt số liệu lao động yếu, thị trường nâng xác suất Fed bắt đầu hạ lãi vào tháng 9 — khiến DXY điều chỉnh giảm từ đỉnh tháng 8.
- **USD/VND vẫn dao động ở vùng cao do cầu USD và chênh lệch lãi suất.** Giá USD giao dịch tại các ngân hàng thương mại và trên thị trường tự do neo ở mức cao (khoảng 26.1–26.8 tùy kênh), phản ánh nhu cầu USD mạnh (thanh toán, nhập khẩu, FDI/T+0) và khoảng cách lãi suất so với Mỹ. Diễn biến này chưa bị đảo chiều ngay cả khi DXY suy giảm.
- **NHNN duy trì can thiệp thanh khoản - bơm ròng OMO.** NHNN vẫn điều tiết thanh khoản tích cực (vừa có các phiên bơm ròng, vừa linh hoạt hút/đẩy qua OMO) để neo lãi liên ngân hàng ở vùng an toàn;

## NHNN duy trì can thiệp thanh khoản - bơm ròng OMO.

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND

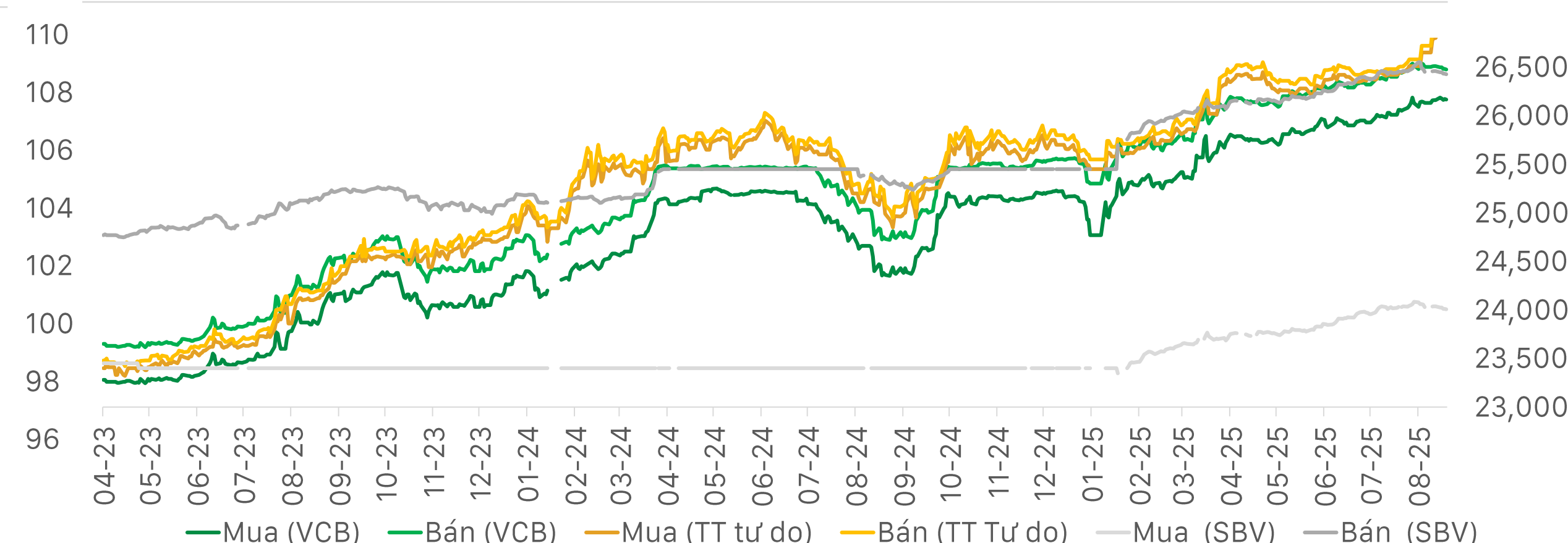


## DXY hạ nhiệt sau Jackson Hole, thị trường tăng đặt cược Fed cắt lãi.



## USD/VND vẫn dao động ở vùng cao do cầu USD và chênh lệch lãi suất.

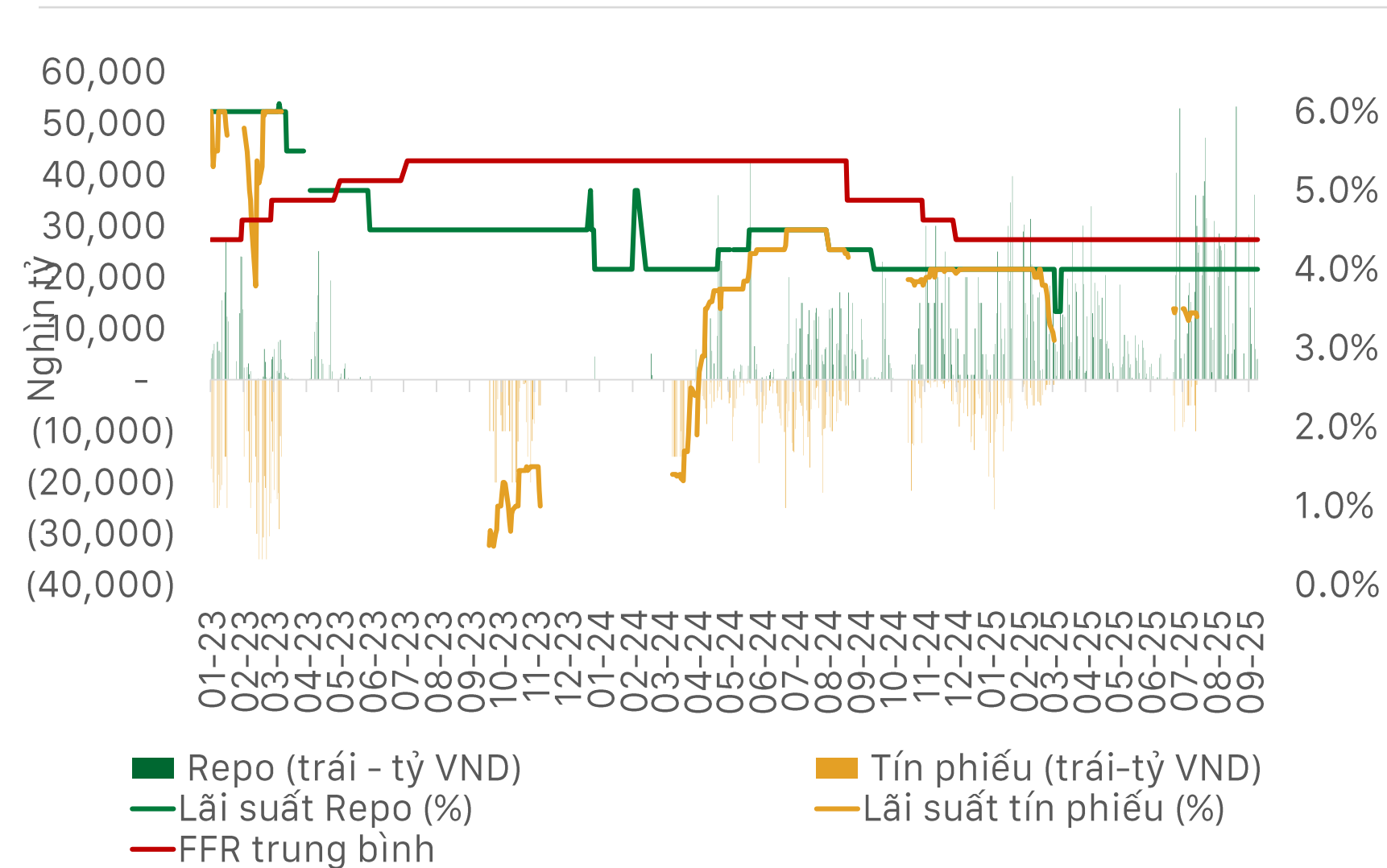
Đơn vị: VND/USD



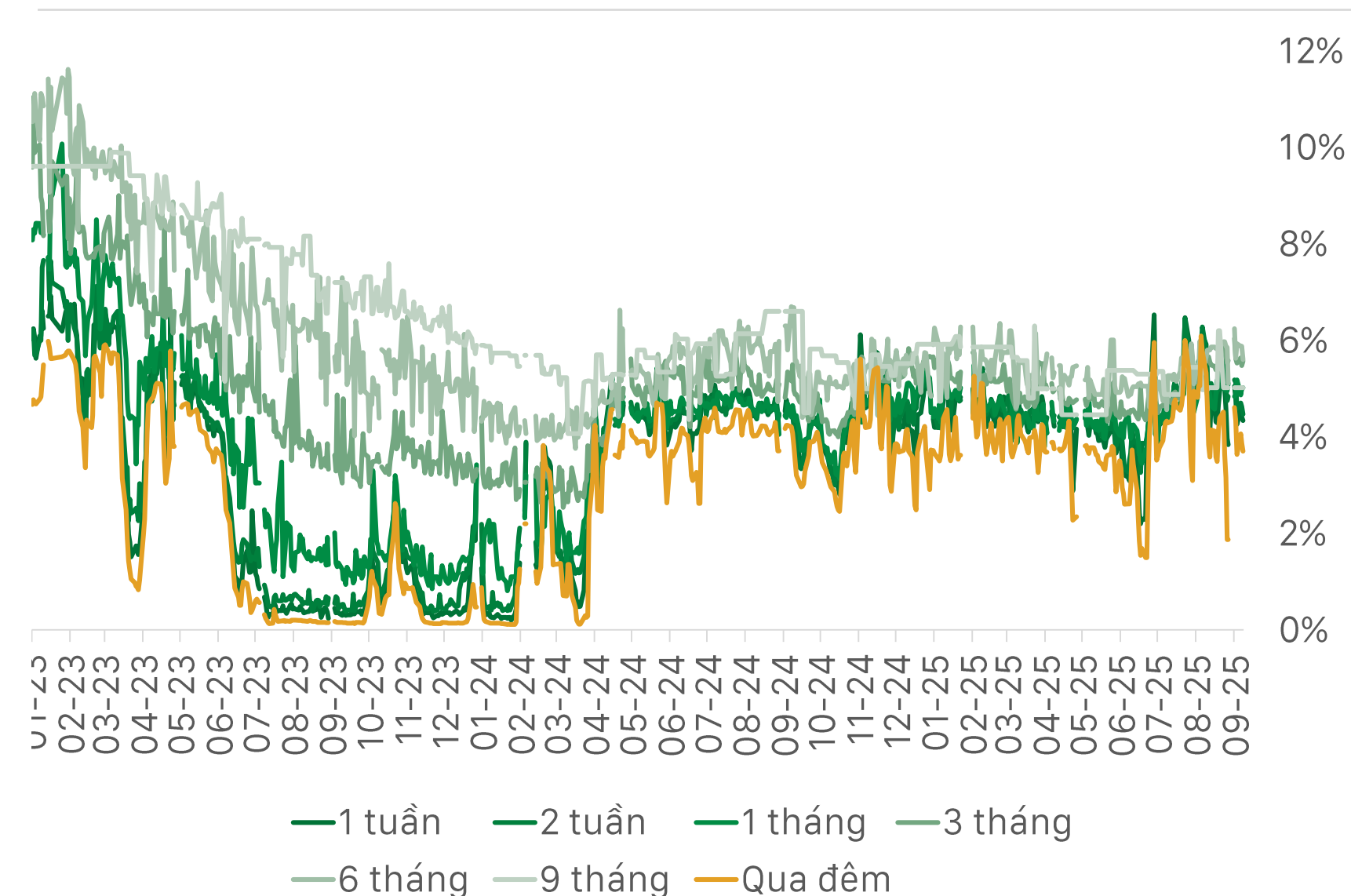
Bơm ròng bằng công cụ REPO và ngưng hút Bill nhằm ổn định lãi suất liên ngân hàng ở mức hợp lý, hỗ trợ giải ngân tín dụng và giảm chi phí vốn cho nền kinh tế. Thanh khoản hệ thống duy trì mạnh giúp ổn định tạm thời, song áp lực từ biến động tỷ giá và nhu cầu USD vẫn hiện hữu. NHNN buộc phải cân đối giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng và quản lý rủi ro lạm phát nhập khẩu.

- **NHNN tiếp tục bơm ròng Repo, ngừng phát hành tín phiếu** — Từ đầu tháng 8 và tiếp tục các tuần sau đó bơm ròng thêm hàng chục nghìn tỷ bằng nghiệp vụ mua kỳ hạn thay vì phát hành tín phiếu.
- **Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt** — Các phiên giao dịch gần đây ghi nhận lãi suất qua đêm tăng đột biến theo biến động tỷ giá, nhưng nhanh chóng hạ nhiệt về vùng 3,5–4,0%. Diễn biến này cho thấy vai trò can thiệp chủ động của NHNN.
- **Mặt bằng lãi suất huy động thấp, chênh lệch giữa các nhóm NHTM** — Lãi suất huy động kỳ hạn ngắn tiếp tục ổn định quanh vùng thấp, tạo dư địa giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số NHTM nhỏ đã điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất huy động để cạnh tranh, trong khi nhóm NHTM quốc doanh vẫn giữ mức thấp nhằm hỗ trợ tín dụng.

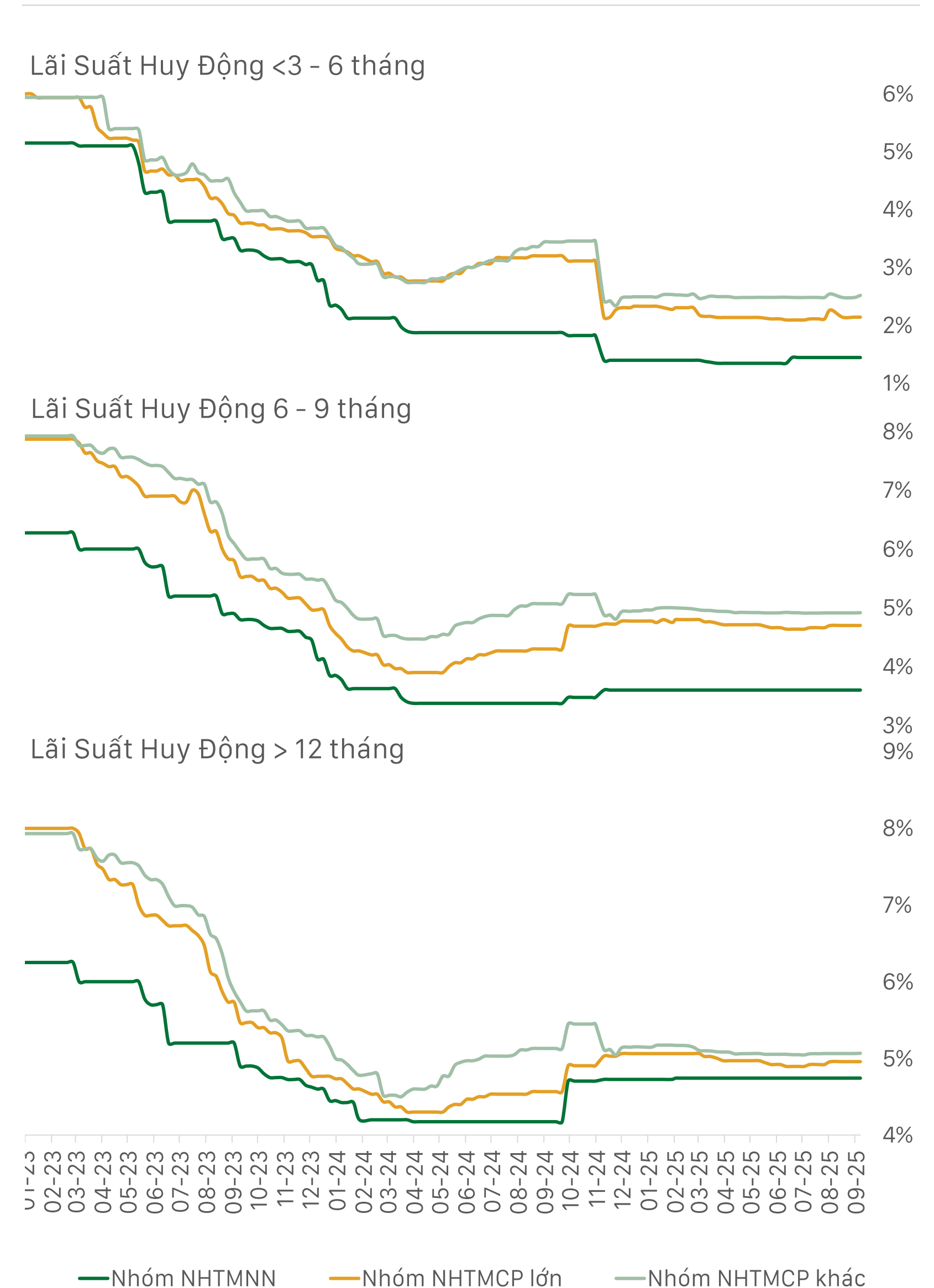
**NHNN tiếp tục bơm ròng Repo, ngừng phát hành tín phiếu**



**Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt**



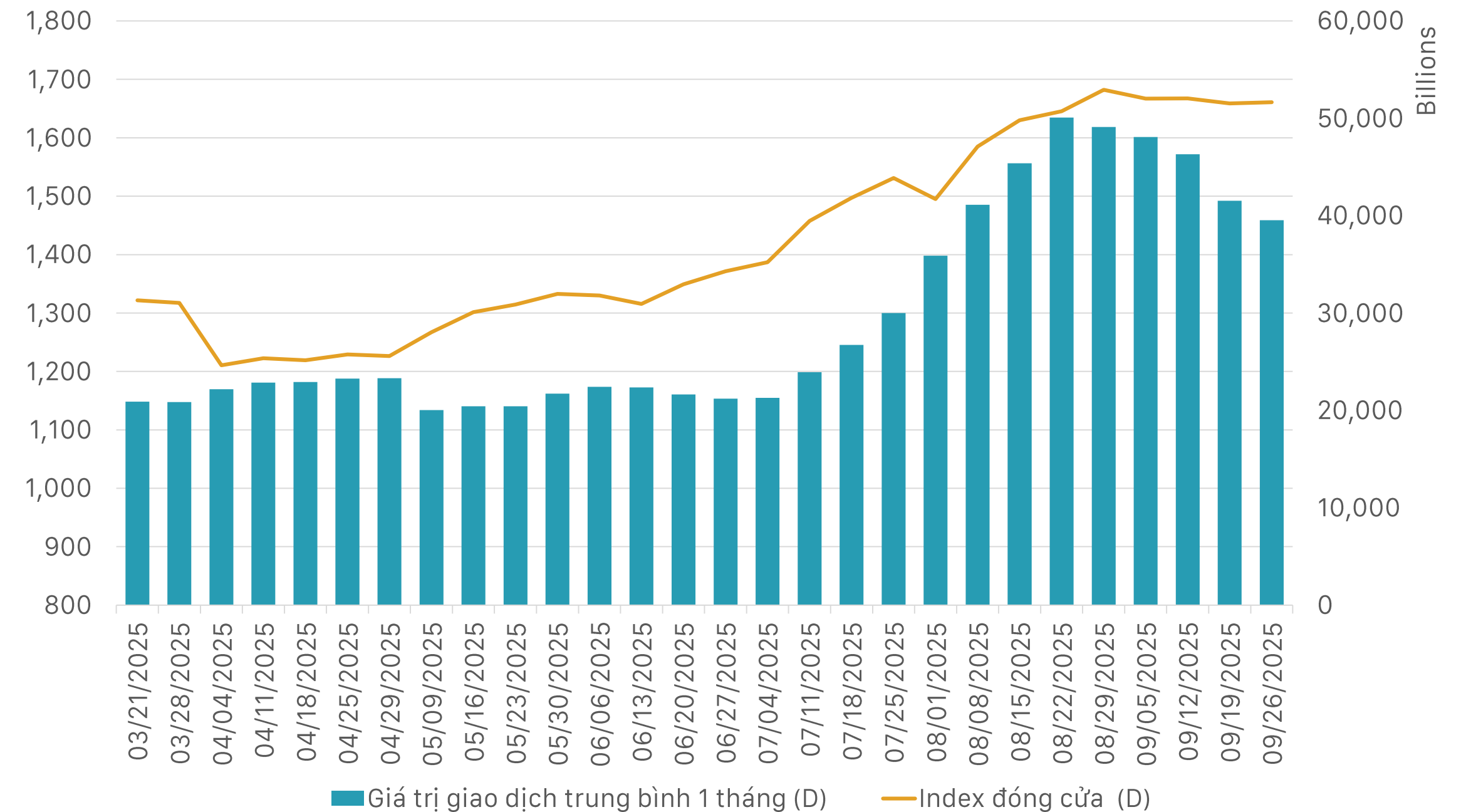
**Mặt bằng lãi suất huy động thấp, chênh lệch giữa các nhóm NHTM**



## Đồ thị ngày VN-Index



## Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

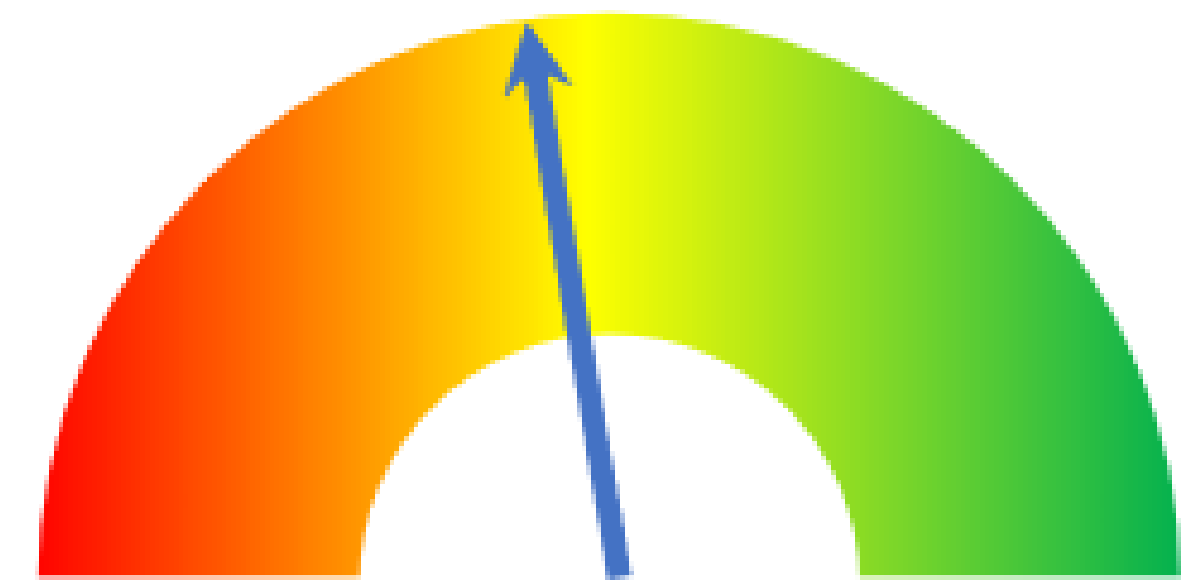


- Chỉ số Vnindex trong tuần cuối tháng 9 đã phục hồi theo chỉ báo kỹ thuật khi đường Index rơi về hỗ trợ mạnh quanh 1610. Mức phục hồi ở nhịp sóng này chậm hơn so với đợt đầu tháng 9 và có xu hướng đi ngang tích lũy. Đây là giai đoạn thị trường tích lũy và mang tính trung tính khi nhà đầu tư chờ đợi thông tin nâng hạng thị trường công bố vào đầu tháng 10.
- Nhóm Vingroup có VIC đạt mức đỉnh cao mới vượt 160 trong khi VHM, VRE, VPL hồi phục nhẹ sau đợt sóng giảm hơn 5%. Giá VIC có nhịp tăng mạnh nhất trong vài tuần gần đây hơn 10% và khả năng đang hướng về mốc 200 trong các tuần sắp tới. Các blue chip khác hầu như đi ngang thậm chí giảm nhẹ. VCB hồi phục nhẹ sau khi giảm đến -12% từ giá 70. FPT tạo đáy sâu dưới 98. Nhóm Viettel tiếp tục tích lũy đi ngang ở tuần thứ 3 liên tiếp.
- Nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng, hạ tầng đáng chú ý nhất tuần qua với khá nhiều cổ phiếu nổi bật CII tăng hơn 15%, hay HDG, LCG, HDC, PDR, FCN đều tăng trên 5%. Đây là 2 nhóm ngành thu hút dòng tiền tốt nhất trong bối cảnh thị trường đang suy giảm thanh khoản chung.

- Đồ thị tuần chỉ báo tuần thứ 5 đi ngang liên tiếp với độ dốc của đường Vnindex đang yếu dần tuy nhiên mức độ điều chỉnh không lớn lắm cho thấy sự giằng co giữa bên mua và bên bán. Dòng tiền có suy yếu nhưng vẫn ở mức trên trung bình và sẵn sàng luân chuyển vào các nhóm ngành có thể mang lại lợi nhuận ngắn hạn.
- Trạng thái tâm lý thị trường hiện tại ở mức trung tính và đang trong trạng thái tích lũy chờ đợi thông tin hỗ trợ. Nhìn về bối cảnh chung thị trường vẫn lạc quan vì vậy tuần sau thị trường có nhiều kỳ vọng tăng trưởng khá hơn với nhiều khả năng tin vui sẽ đến trong kỳ đánh giá nâng hạng sắp tới. Vùng hỗ trợ gần nhất sẽ đặt quanh 1610-1620 – nơi sẽ hội tụ nhiều lực mua bắt đáy. Các nhóm ngành ưu tiên nắm giữ hiện tại vẫn ưu tiên nhóm ngân hàng, chứng khoán. Các nhóm ngành như bất động sản, xây dựng, hóa chất có thể giao dịch ngắn hạn.



Mức độ hưng phấn thị trường

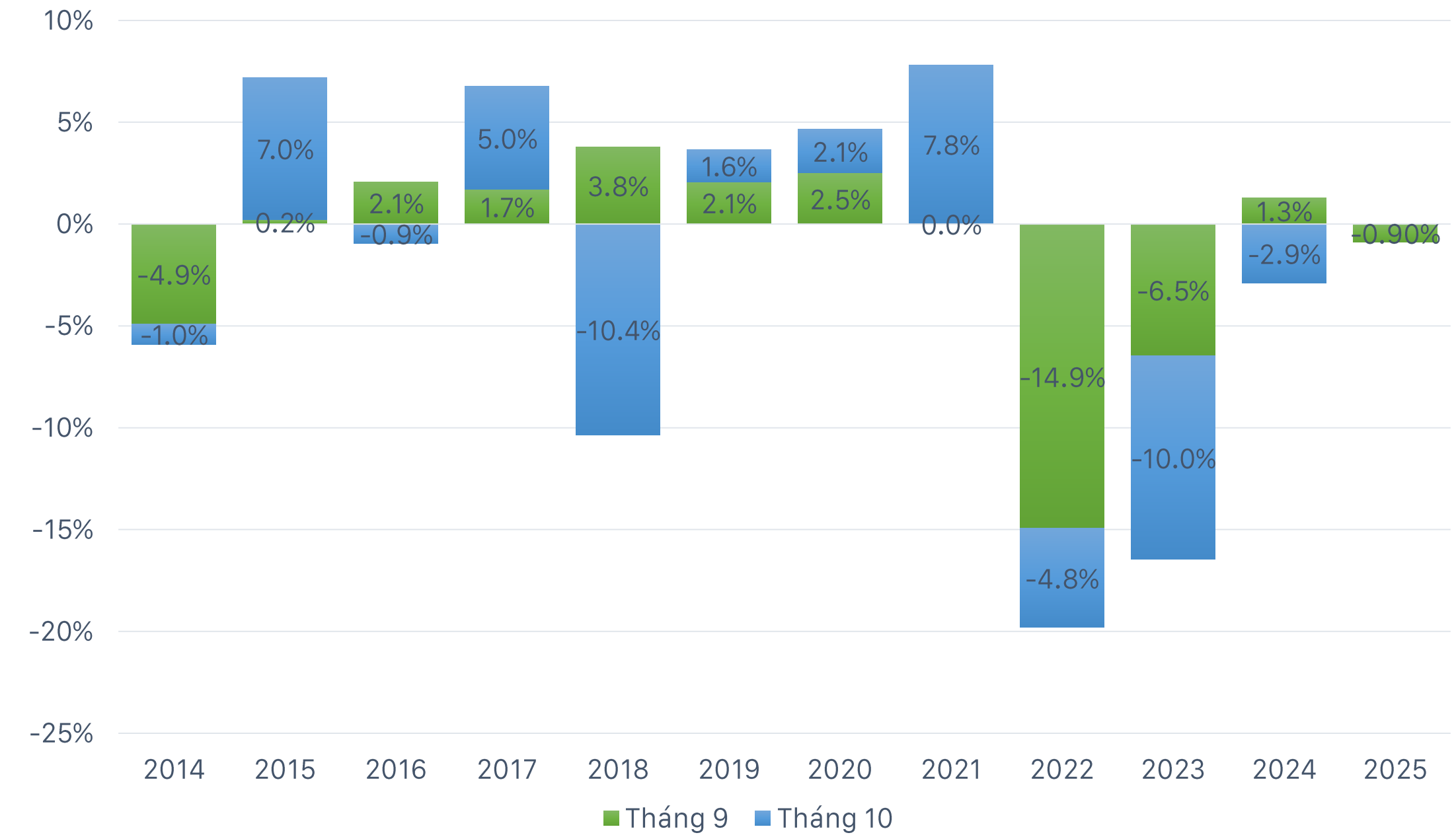


RSI	55.70
MACD	12.41
MFI	59.44
MA20	1662
MA50	1610
MA200	1374

PE thị trường hiện quanh 15 thấp hơn giai đoạn 2022



Chu kỳ tháng 9,10 năm nay duy trì đà tăng trưởng các năm 2014 - 2021

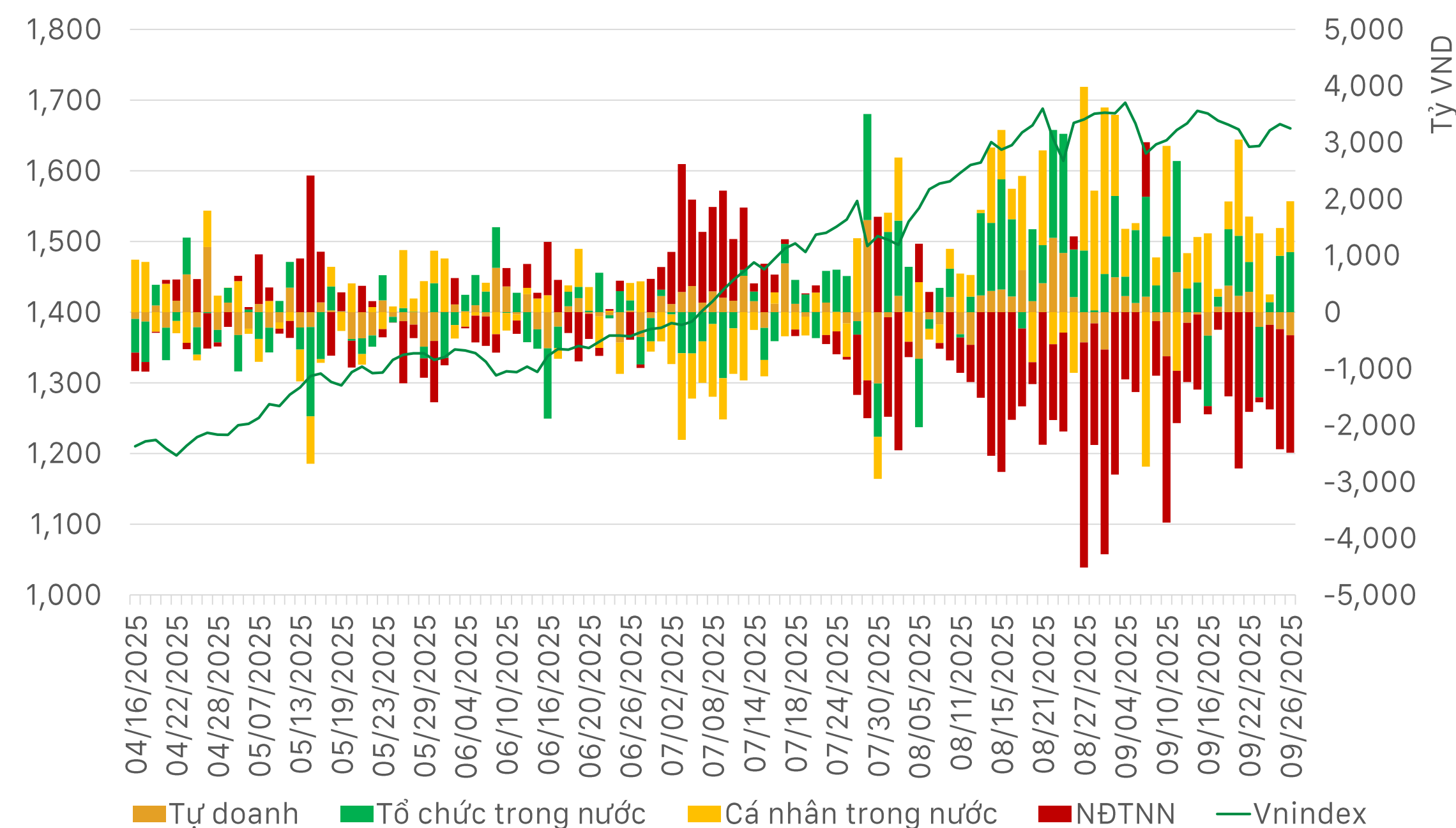


- PE thị trường hiện đang dao động tích lũy quanh mốc 15. Đây là vùng PE trung bình trong 10 năm gần đây. Có khá nhiều cổ phiếu đã vượt định giá này nhưng nhiều cổ phiếu lớn đặc biệt là nhóm ngân hàng vẫn có PE khá thấp, thậm chí dưới 10. Trong 1 tháng tới khi kết quả kinh doanh quý 3 công bố, nếu thị trường giữ mức đi ngang có thể mức định giá trung bình của thị trường sẽ điều chỉnh thấp hơn một chút dưới 15.
- Như vậy tháng 9 năm nay thị trường giữ trạng thái đi ngang và gần như không biến động nhiều trong 1 tháng vừa qua. Điều này cũng khá tương đồng với chu kỳ tháng 9 của các năm trước và đặc biệt là thị trường đã có một giai đoạn tăng tốc kéo dài rất mạnh từ tháng 4 đến nay. Tháng 10 hàng năm có độ dao động hầu như không theo quy luật nào nhưng xu hướng chung thường là tăng nhẹ do đây là tháng thị trường đón nhận tin kết quả quý 3. Tuy nhiên với những năm thị trường đang đi vào downtrend thì tháng 10 sẽ là một trong những tháng giảm mạnh nhất.

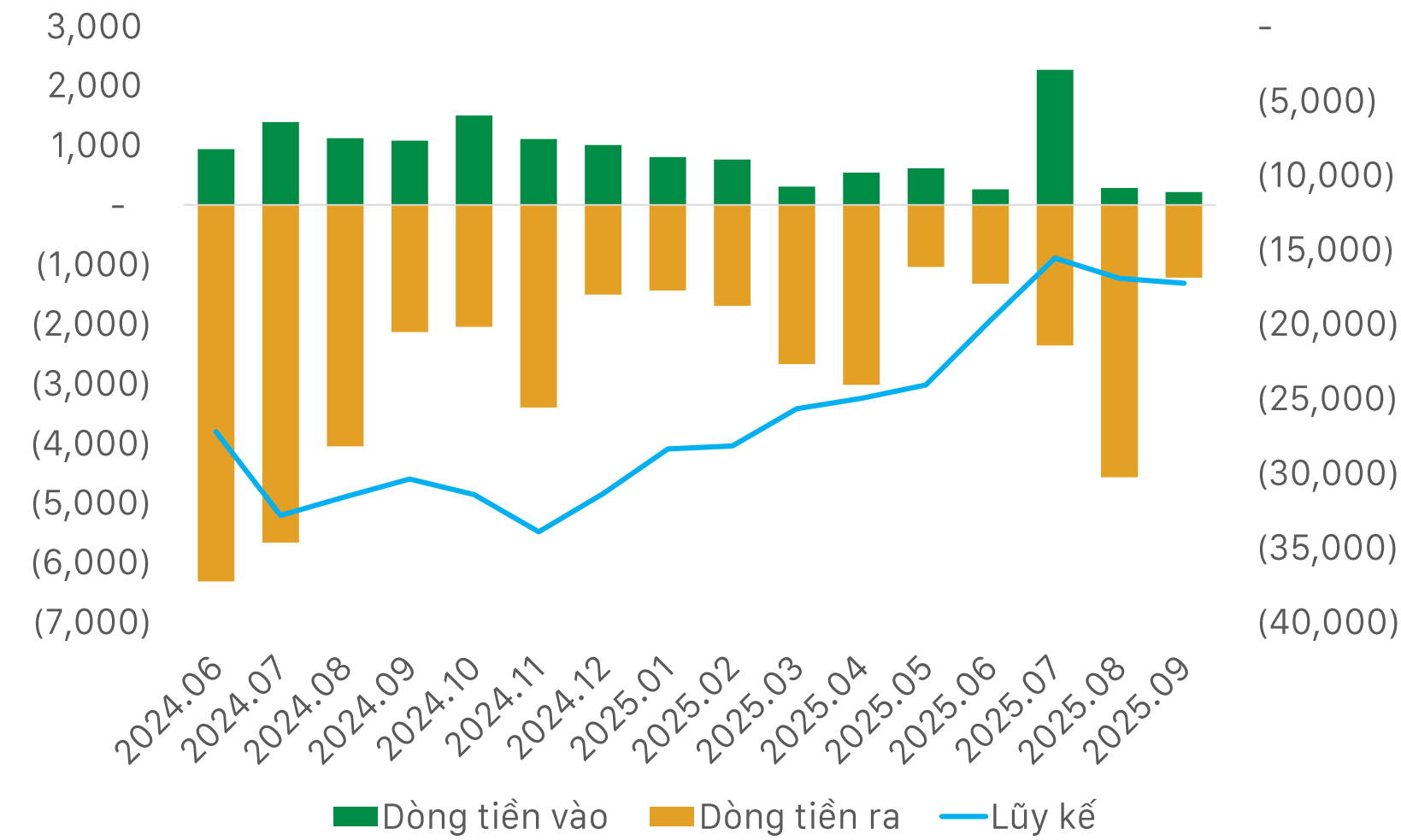
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,662.69	15.08	0.1%	0.5%
Ngân hàng	764.54	10.97	-0.8%	-3.4%
Dịch vụ tài chính	1,065.51	25.18	-1.6%	-3.7%
Bất động sản	801.32	21.19	1.8%	12.9%
Hóa chất	273.74	16.66	-1.0%	-7.9%
Tài nguyên Cơ bản	493.88	20.96	1.4%	4.5%
Ô tô và phụ tùng	479.98	8.62	0.2%	-23.8%
Bán lẻ	1,462.85	23.44	-1.0%	7.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	148.68	10.80	-2.2%	-0.3%
Viễn thông	912.56	29.89	-2.7%	-7.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,027.83	14.12	-0.7%	-2.5%
Dầu khí	93.10	33.20	0.1%	-4.6%
Thực phẩm và đồ uống	918.91	18.43	-0.5%	1.6%
Xây dựng và Vật liệu	374.13	11.87	1.0%	-7.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	432.47	16.74	-0.2%	-9.9%
Y tế	1,028.13	16.51	1.0%	2.8%
Công nghệ Thông tin	820.72	19.87	-3.0%	-1.0%
Truyền thông	704.25	66.58	2.5%	-0.9%
Bảo hiểm	364.03	15.07	2.7%	-1.8%
Du lịch và Giải trí	42.64	21.21	-0.6%	1.5%

- Trong tuần qua các nhóm ngành trụ lớn nhất thị trường như ngân hàng, chứng khoán hầu như đi ngang thậm chí suy giảm ở một số cổ phiếu. Ngược lại nhóm cổ phiếu thuộc bất động sản, xây dựng và hạ tầng, đầu tư công có sự tăng trưởng khá ấn tượng và dòng tiền cũng tập trung vào nhóm này.
- Một số nhóm ngành khác như hóa chất, logistic đang trong giai đoạn tích lũy và đang có dấu hiệu thu hút dòng tiền trở lại. Nhóm cổ phiếu thép cũng đang chạm vùng hỗ trợ mạnh cho tín hiệu sắp đảo chiều.

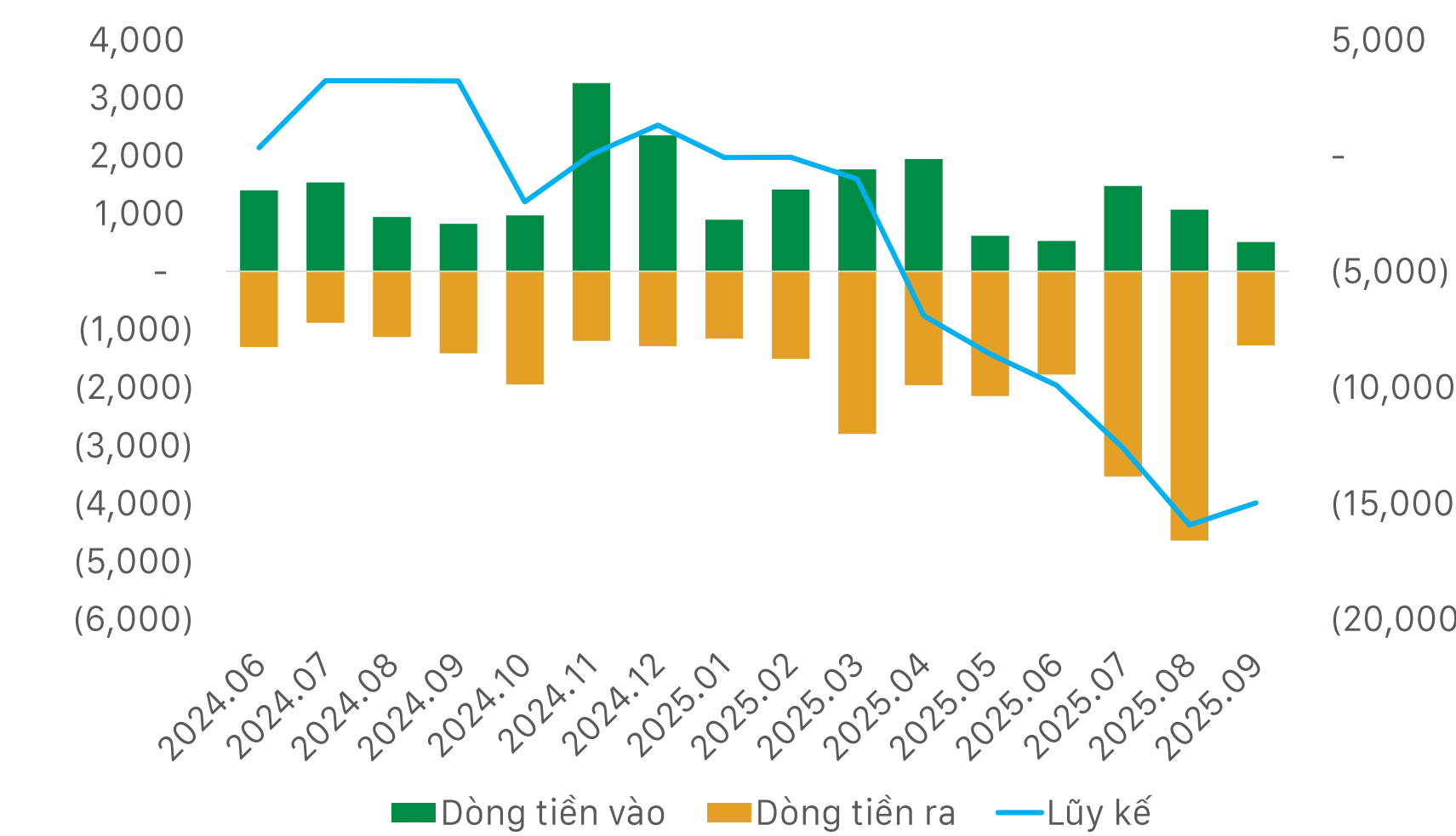
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



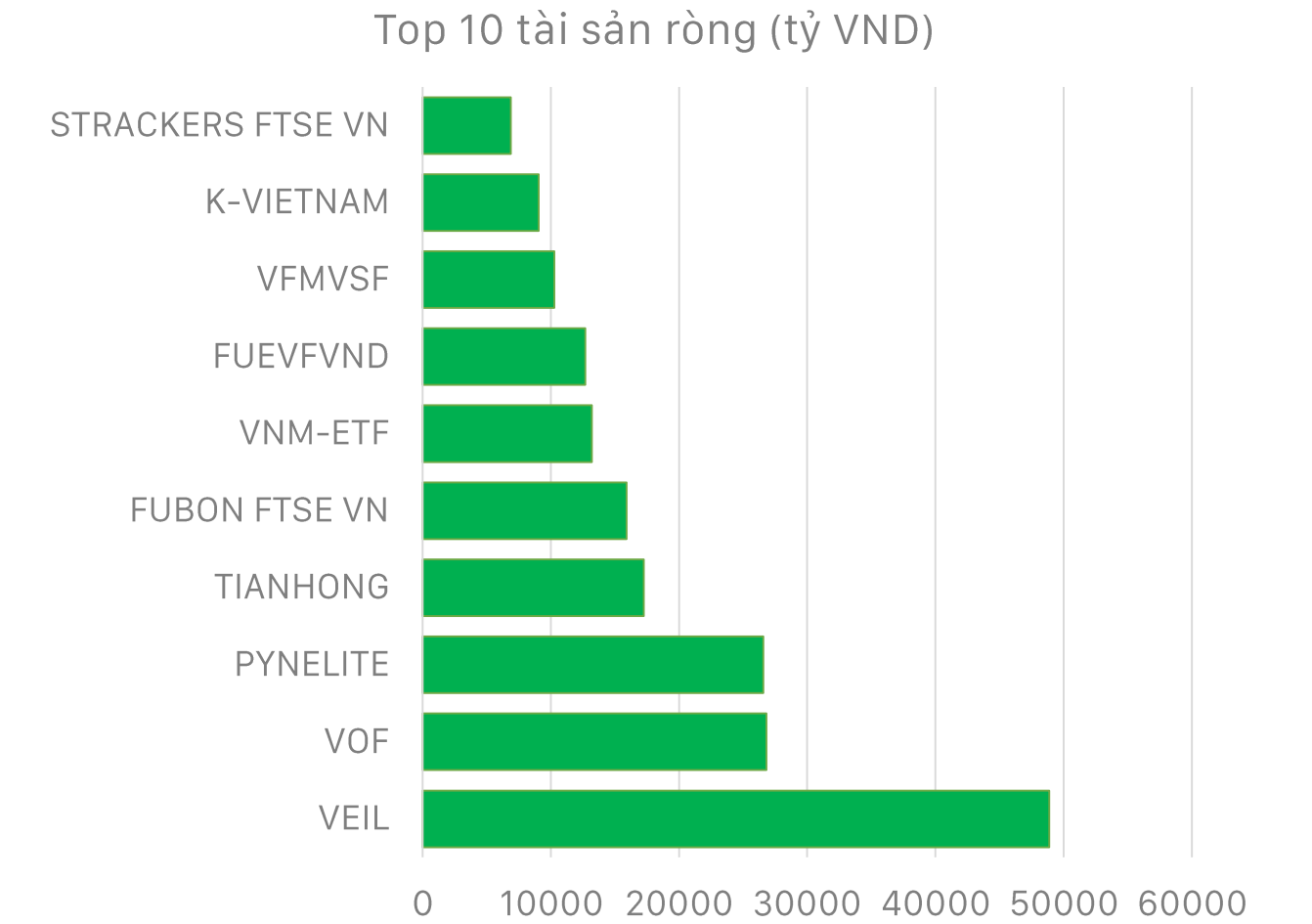
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

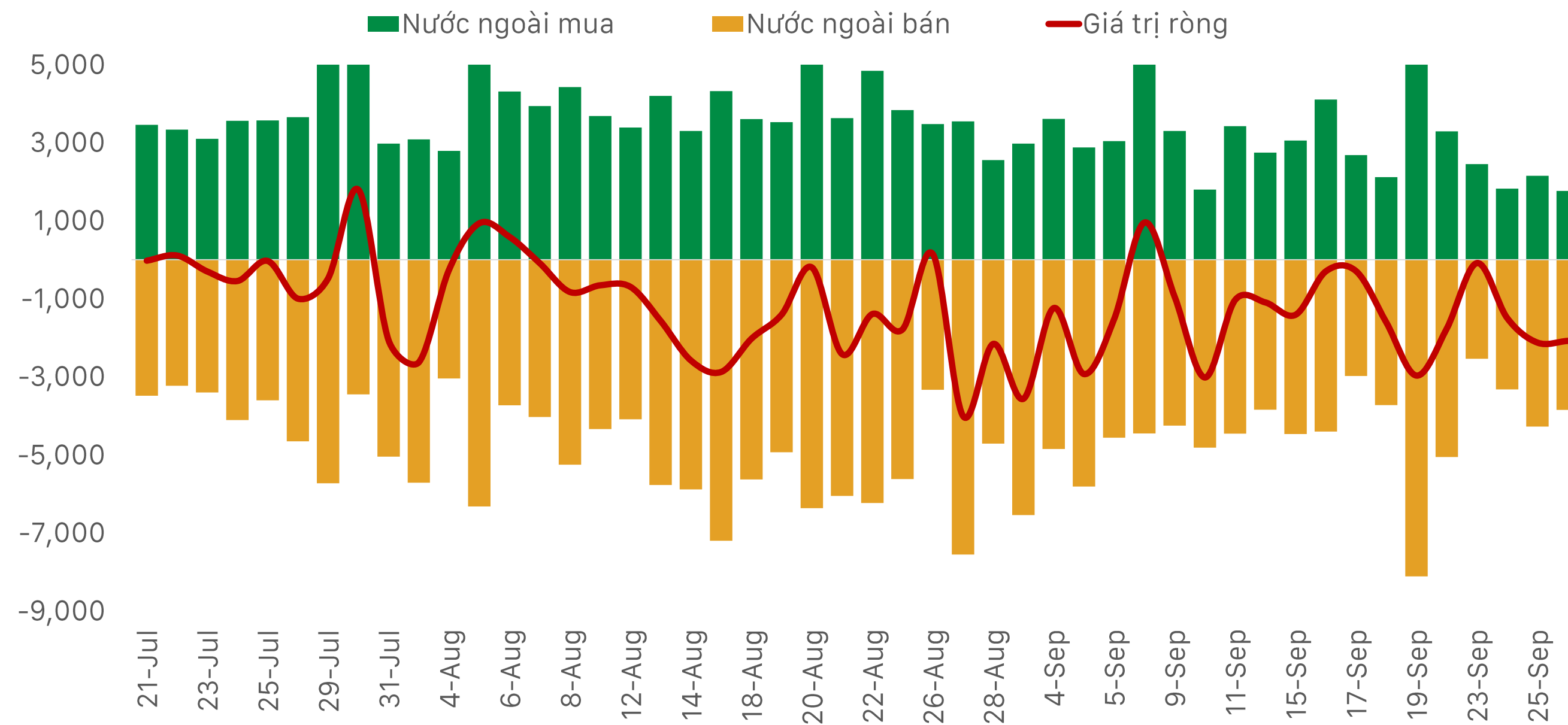


- Các Quỹ Cổ phiếu Hoa Kỳ đã ghi nhận dòng vốn đổ vào cao kỷ lục từ đầu năm đến nay với việc Fed cắt giảm lãi suất như dự kiến. Dòng vốn đổ vào các Quỹ Trái phiếu từ đầu năm đến nay hiện đang hướng tới mốc 650 tỷ đô la.
- Các Quỹ Cổ phiếu Thị trường Mới Nổi (Emerging Markets Equity Funds) ghi nhận dòng vốn đổ vào lớn thứ hai trong năm với 7,6 tỷ đô la được thêm vào trong tuần. Dòng vốn bán lẻ tăng trong tuần thứ hai liên tiếp lần đầu tiên kể từ tháng 6 năm ngoái, và dòng vốn từ các đối tác tổ chức cũng tăng lên mức cao nhất trong 23 tuần.
- Mọi khu vực Cổ phiếu Thị trường Mới nổi lớn đều chứng kiến dòng vốn đạt mức cao nhất trong nhiều tuần. Dòng vốn đổ vào các Quỹ Cổ phiếu Thị trường Mới nổi Toàn cầu đạt mức lớn nhất kể từ tháng 1 năm 2023, đối với Cổ phiếu Châu Á (trừ Nhật Bản), mức cao nhất trong 23 tuần. Dòng vốn đổ vào các Quỹ Cổ phiếu Trung Quốc đã tăng trong bốn trong năm tuần qua, mặc dù dòng vốn từ đầu năm đến nay vẫn ở mức âm.
- Quỹ Cổ phiếu Thị trường Phát triển (Developed Markets Equity Funds): Dòng vốn đã tăng lên 60 tỷ đô la cho tất cả các Quỹ Cổ phiếu Thị trường Phát triển, đánh dấu dòng vốn đổ vào hàng tuần lớn nhất trong năm. Các quỹ này được hỗ trợ bởi Quỹ Hỗn hợp Vốn hóa Lớn và các quỹ chuyên dụng tại Hoa Kỳ, chiếm hơn 95% tổng vốn đầu tư trong tuần khi Fed cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất xuống khoảng 4%-4,25%.

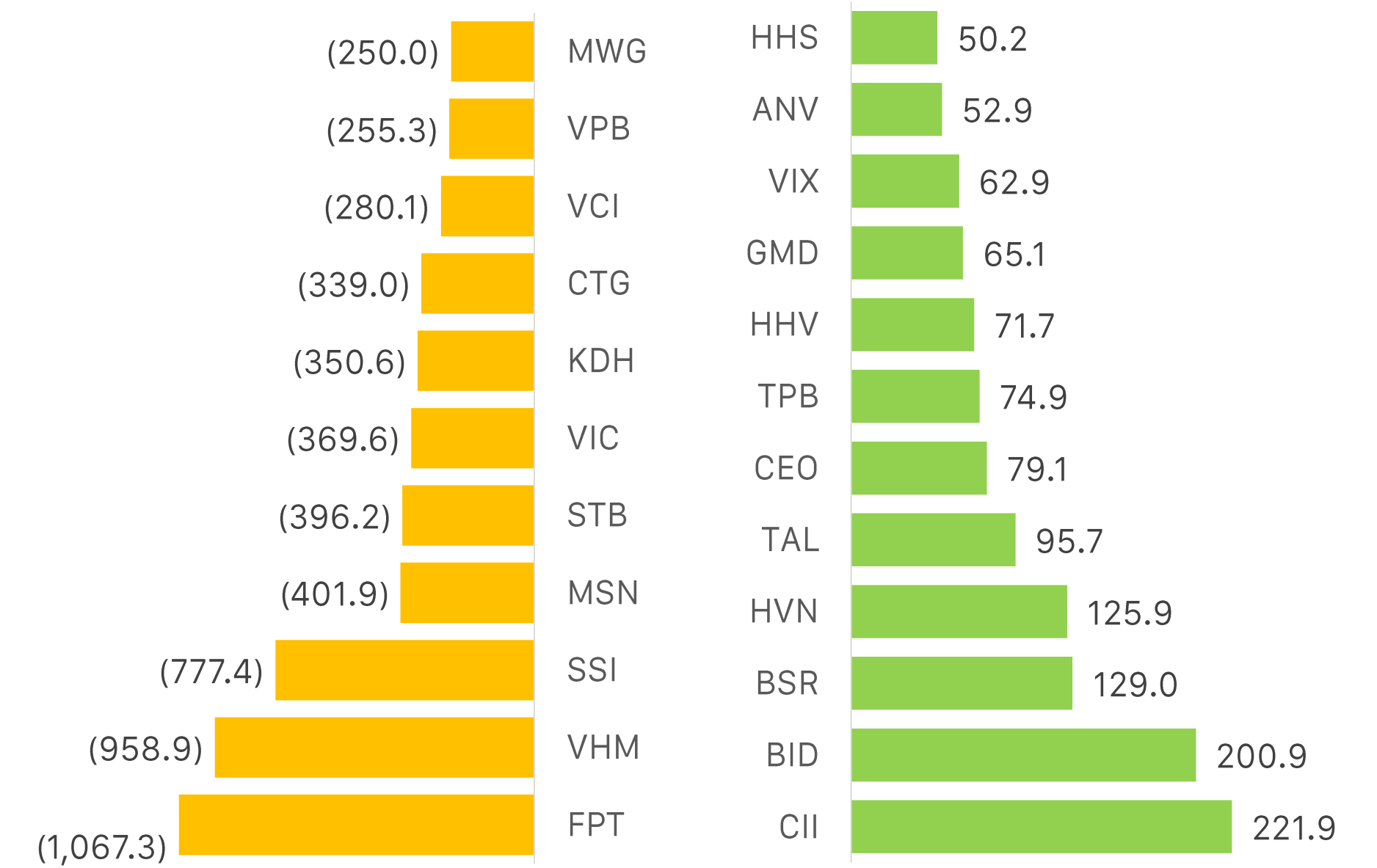
# KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

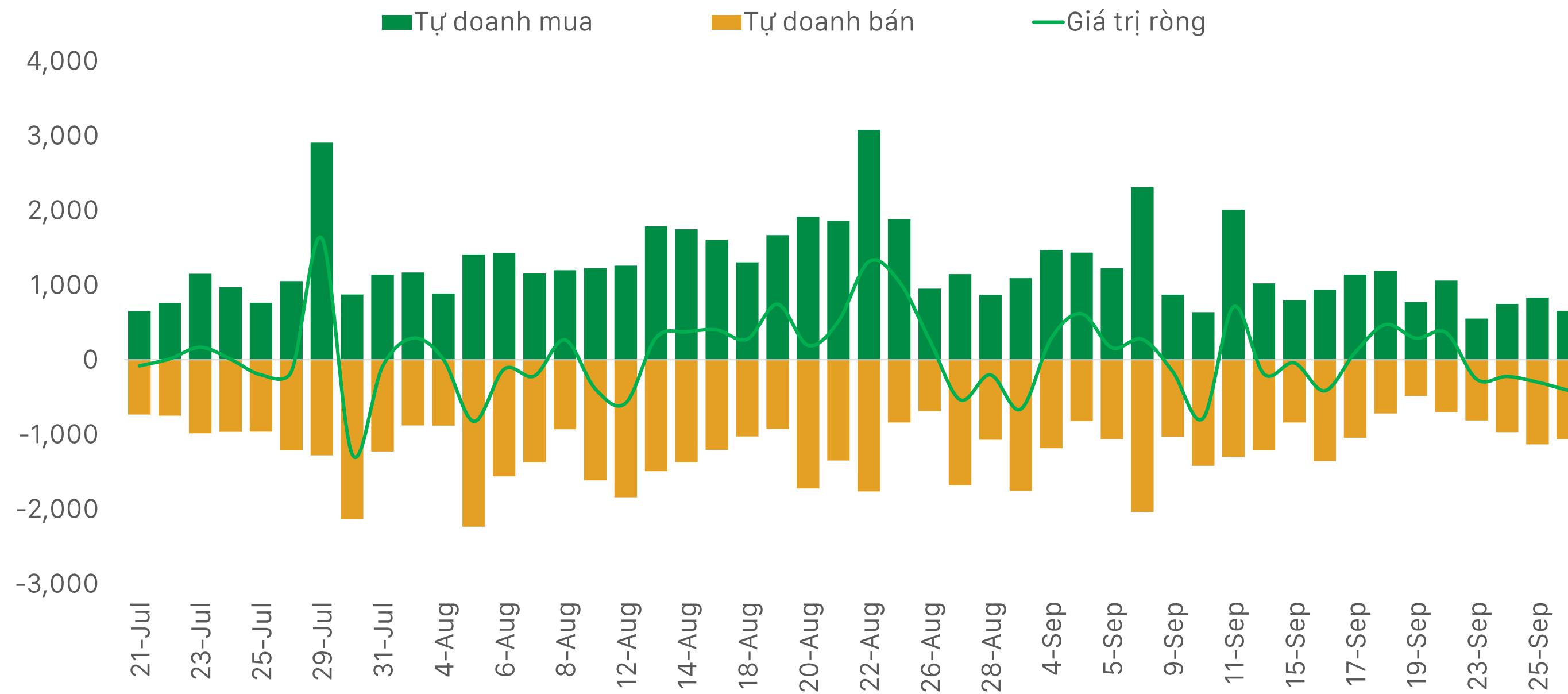


- Khối ngoại thu hẹp cả giá trị mua vào lẫn bán ra tuy nhiên giá trị mua vào giảm xuống rất sâu trong tuần qua dưới 2 ngàn tỷ mỗi phiên. Giá trị bán ròng trong tuần qua hơn 7500 tỷ đồng, nhiều hơn so với 6500 tỷ của tuần trước đó. Xu hướng bán ròng của khối ngoại vẫn kéo dài và ngày càng nhiều hơn là điều đáng chú ý.
- Trong tuần qua FPT bị bán ròng mạnh trở lại với hơn 1 ngàn tỷ đồng – chiếm đến 15% tổng giá trị bán ròng cả tuần. VHM bán ròng gần 1000 tỷ. Nhóm blue chip bị bán ròng mạnh có SSI, MSN, STB, VIC. VIC bán ròng khoảng 370 tỷ đồng và gần như khối nội trong nước cân lại hết bệnh bán.
- Phía mua ròng ghi nhận một số cổ phiếu tăng nóng trong tuần qua như CII, BSR, CEO, HHV. Thống kê từ giao dịch khối ngoại có sự tương đồng khá lớn khi giá trị mua ròng gia tăng với các phiên có những cổ phiếu tăng nóng như CII, ANV, GMD, HVN ...

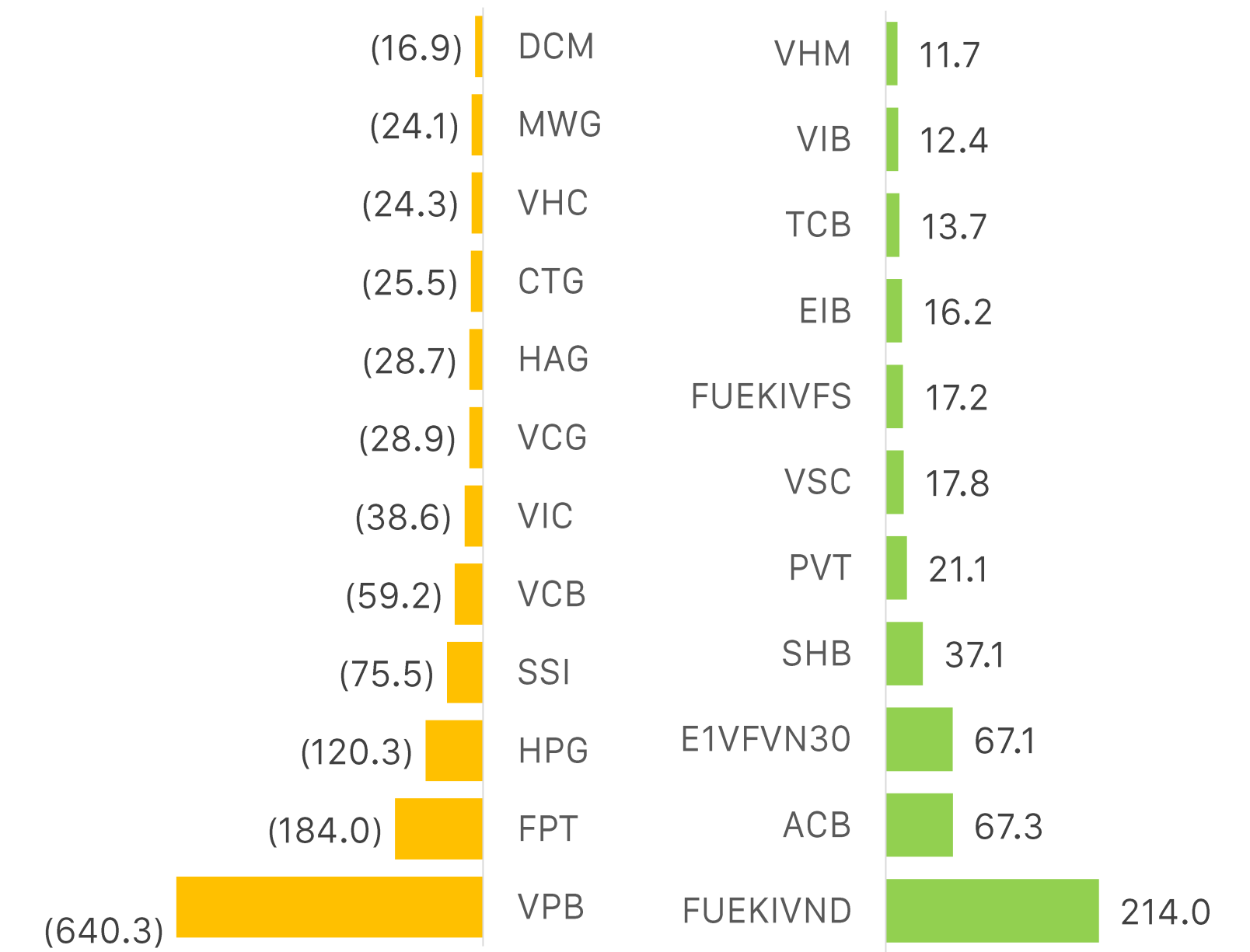
# TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



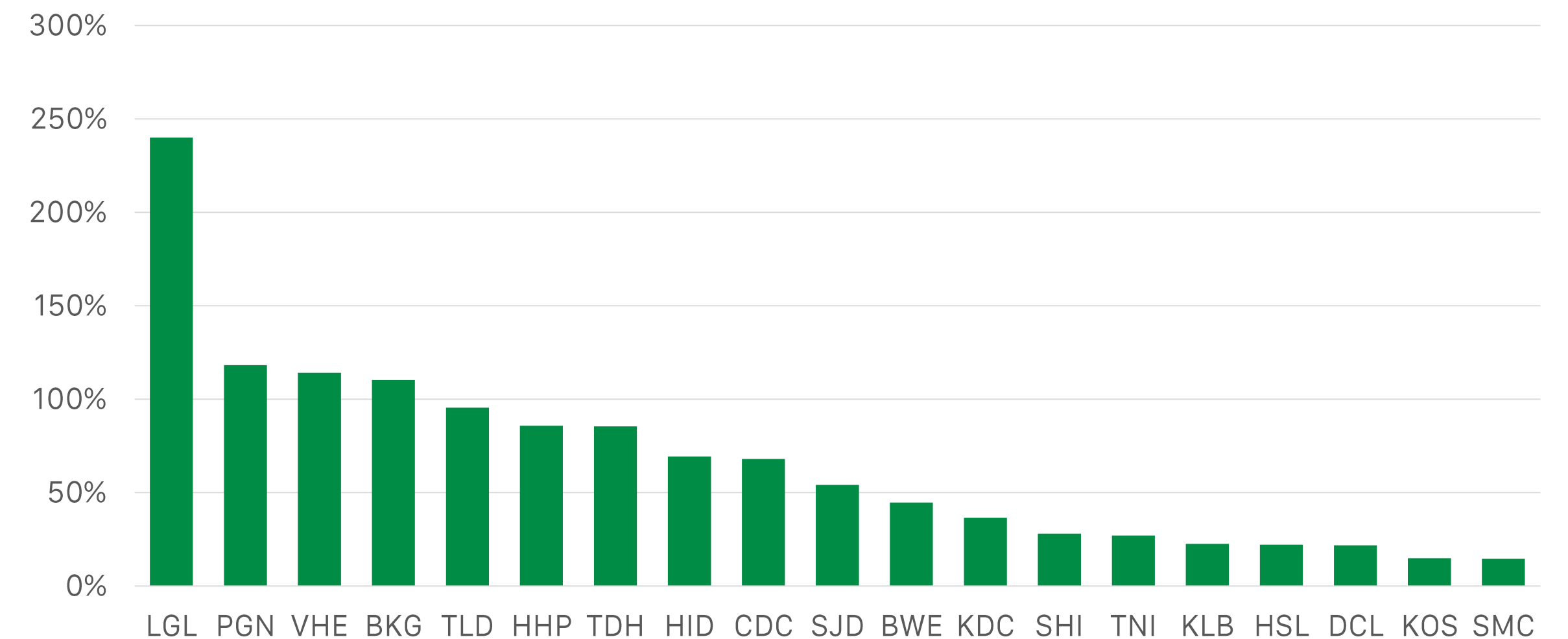
- Khối tự doanh thu hẹp trạng thái mua bán trong 2 tuần gần đây và trong tuần giao dịch vừa qua khối tự doanh bán ròng nhiều hơn dù giá trị bán ra cũng không quá lớn.
- Ở phía bán ròng tự doanh bán ròng mạnh nhất VPB hơn 640 tỷ đồng. FPT đứng thứ hai với 184 tỷ đồng. Một số cổ phiếu bị bán ròng tương đối ở nhóm chứng khoán và ngân hàng như SSI, VCB, CTG và một số cổ phiếu VCG, HAG, VHC.
- Phía mua ròng khối tự doanh mua mạnh nhóm chứng chỉ quỹ khá lớn và một số cổ phiếu ngân hàng ACB, SHB, EIB, TCB, VIB.

## Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	22.3%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Bất động sản	20.5%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Dịch vụ tài chính	17.3%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Công nghệ Thông tin	9.1%	FPT, CMG, ELC	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.3%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Thực phẩm và đồ uống	5.8%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	5.6%	CII, HHV, VCG	
Tài nguyên Cơ bản	7.2%	HPG, HSG, NKG	
Hóa chất	1.8%	DPM, DCM, GVR	
Bán lẻ	2.4%	MWG, DGW, PET	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.5%	PVD, PVS	
Ô tô và phụ tùng	0.7%	HHS, HUT	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%	TCM, TNG, PNJ	
Du lịch và Giải trí	1.8%	HVN	
Viễn thông	0.1%	VGI	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.1%	BVH	
Y tế	0.2%	DCL, DBD	

- Dòng tiền giao dịch tiếp tục suy giảm trong tuần giảm mạnh trong tuần qua nhưng mức độ giảm có dấu hiệu chậm lại. Một số cổ phiếu thuộc nhóm BĐS như CII, SCR, HDG có sự gia tăng giao dịch nhờ biến động giá mạnh và có sự tăng trưởng giá tốt hơn so với nhóm cổ phiếu còn lại.
- Các cổ phiếu gia tăng giao dịch hầu hết là cổ phiếu nhỏ như LGL, PGN, CDC.
- Một số cổ phiếu có thể là tâm điểm giao dịch trong tuần sau: VIC, VCI, CTG, VSC, DIG, HAG.

## Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



# CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường vẫn trong xu hướng tăng trung hạn tuy nhiên áp lực điều chỉnh sẽ tăng dần khi kết quả kinh doanh các doanh nghiệp quý 2 công bố gần hết. Thị trường có thể có nhiều pha điều chỉnh và rung lắc nhiều hơn. Các nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, hóa chất, bán lẻ đang được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhất.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

Ngân hàng: **STB, TCB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	STB	55,000	16.9%	5,767	8.16	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng trưởng lợi nhuận đạt kỳ vọng nhờ tín dụng tăng trưởng tốt và cải thiện NIM; chất lượng tài sản ổn định dù còn thách thức.</li> <li>Chuẩn bị hoàn tất đấu giá khoản nợ đảm bảo bằng cổ phần của Trầm Bê, có tiềm năng tăng đáng kể lợi nhuận và giá trị sổ sách.</li> <li>STB lên kế hoạch mua cổ phần chi phối tại một công ty chứng khoán nhằm mở rộng dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.</li> <li>Nâng vốn điều lệ qua ESOP và cổ phiếu thưởng, báo hiệu giai đoạn tăng trưởng tích cực mới sau tái cấu trúc.</li> </ul>
2	TCB	40,000	14.4%	3,013	11.60	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB.</li> <li>Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bất đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA.</li> <li>TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.</li> </ul>
3	MWG	90,000	25%	2,977	22.27	<ul style="list-style-type: none"> <li>MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng.</li> <li>BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY.</li> <li>MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động.</li> <li>MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.</li> </ul>
4	HAG	18,000	25%	1,084	12.32	<ul style="list-style-type: none"> <li>HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng.</li> <li>Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025.</li> <li>Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.</li> </ul>

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	55,000
% tăng giá	16.9%
Vùng giá mua	45,000 - 47,000
Giá dừng lỗ	40,000

## Phân tích kỹ thuật

STB đang có sự bứt phá quanh nền giá 47 kéo dài gần 1 tháng qua lên mức đỉnh mới trên 50. STB đang thiết lập xu hướng tăng giá mới với mục tiêu tiếp theo quanh vùng 55-57. Các chỉ báo RSI hiện quay lại xu hướng tăng và vượt qua 70. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ STB và có thể mua thêm nếu cổ phiếu rung lắc về quanh 47-48. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 55,000.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý 1.2025, ngân hàng STB đạt lợi nhuận gần 2,900 tỷ đồng tăng trưởng 37% so với cùng kỳ. Về mục tiêu kinh doanh năm 2025, Sacombank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 14.650 tỷ đồng – tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong chặng cuối của giai đoạn tái cơ cấu. STB có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong các quý còn lại của năm và dự báo quý 2 có thể tăng trưởng lợi nhuận khoảng 25% so với quý 1 lên trên 3,500 tỷ. Lợi nhuận tăng trưởng của của STB đến từ khả năng hoàn nhập dự phòng và kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả. STB đang sắp hoàn tất quá trình tái cấu trúc nợ và chuyển sang giai đoạn tăng tốc phát triển.
- STB đã hoàn thành 13/14 bước tái cấu trúc; bước cuối cùng là đấu giá khoản nợ được đảm bảo bằng 32,5% cổ phần của Trầm Bê. Tổng giá trị nợ gốc là 6.611 tỷ đồng và lãi cộng dồn 13.450 tỷ đồng, cần giá đấu khoảng 33.200 đồng/cp để thu hồi đủ. STB cho biết, ngay cả khi đấu giá thành công, Trầm Bê cũng sẽ không nhận được khoản dư nào do nghĩa vụ lãi rất lớn từ các khoản vay khác. STB có thể thu hồi giá trị tiềm năng khoảng 15 nghìn tỷ đồng (tương đương lợi nhuận sau thuế khoảng 20 nghìn tỷ đồng). Điều này đồng nghĩa lợi nhuận ròng 2025 có thể tăng 128%, hoặc giá trị sổ sách (BVPS) tăng 23% lên 43.700 đồng/cp.
- STB dự kiến mua lại trên 50% cổ phần tại một công ty chứng khoán, với vốn đầu tư tối đa 1.500 tỷ đồng, không bao gồm công ty con đã thoái vốn trước đây (SBS). Đây là bước chuyển đổi chiến lược từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng đa năng, cung cấp thêm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.



STB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	28,956	34,261	38,627	45,734	54,972	57,862
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852	20,602
Thu nhập lãi thuần	11,527	11,964	17,147	22,072	24,532	6,863
Lợi nhuận sau thuế	2,682	3,411	5,041	7,719	10,087	2,897
EPS	1,206	1,595	2,674	4,094	4,751	1,537
Tỉ lệ CASA	18.7%	22.5%	18.9%	18.3%	17.9%	17.2%
P/B	2.2	1.4	1.5	1.5	1.6	1.5
BVPS (VND)	15,360	18,174	20,489	24,259	29,160	30,693
ROE (%)	9.6%	10.8%	13.8%	18.3%	20.0%	20.4%
NIM (%)	2.7%	2.6%	3.3%	3.7%	3.6%	3.5%
LDR (%)	78.2%	89.1%	95.2%	93.0%	93.6%	94.6%
Chi phí/ Thu nhập (%)	63.1%	55.1%	41.8%	49.2%	48.8%	50.4%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.5%	1.0%	2.3%	2.4%	2.5%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	93.7%	118.6%	131.0%	68.8%	68.4%	74.7%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	40,000
% tăng giá	14.4%
Vùng giá mua	33,000 - 35,000
Giá dừng lỗ	29,000

## Phân tích kỹ thuật

TCB đã tích lũy quanh vùng giá 34 trong 3 tuần và vừa có phiên đột phá về giá thiết lập đỉnh mới quanh 36. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua.

Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35-36 một thời gian. Vùng mua mới có thể mở quanh 34,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



TCB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	74,615	93,041	113,425	131,616	147,940	153,953
Vốn điều lệ	35,049	35,109	35,172	35,225	70,649	78,413
Thu nhập lãi thuần	18,751	26,699	30,290	27,691	35,508	8,305
Lợi nhuận sau thuế	12,582	18,415	20,436	18,191	21,760	6,014
EPS	3,510	5,131	5,729	5,111	3,041	842
Tỷ lệ CASA	44.3%	47.0%	34.3%	38.0%	35.9%	33.7%
P/B	2.3	1.1	1.1	0.7	1.5	1.4
BVPS (VND)	21,151	26,259	31,927	36,990	20,583	21,425
ROE (%)	18.1%	21.7%	19.7%	14.8%	15.6%	14.7%
NIM (%)	4.9%	5.7%	5.3%	4.0%	4.2%	4.0%
LDR (%)	99.2%	109.2%	116.0%	112.7%	116.9%	123.2%
Chi phí/ Thu nhập (%)	32.8%	30.1%	32.1%	33.1%	32.7%	28.3%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.5%	0.7%	0.7%	1.2%	1.1%	1.2%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	171.0%	162.9%	157.3%	102.1%	113.9%	111.6%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	90,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 - 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

## Phân tích kỹ thuật

MWG duy trì đà tăng vững chắc từ vùng giá 64 lên vùng giá mới quanh 70. Các chỉ báo kỹ thuật cho xu hướng tăng trung hạn với mục tiêu gần nhất quanh 75. Giá 75 cũng là đỉnh giá cao nhất vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG có thể trở lại đỉnh kháng cự cũ và thiết lập đỉnh mới quanh 80 trong từ 1 đến 3 tháng tới.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chững lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.6T
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	73,755
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	3,194
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	14,769
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(698)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,480
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	30,016
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	81,001
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	20,285
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	3,272
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	20.0%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	31,538
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	31,538
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	105.1%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	18,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	13,000 - 13,300
Giá dừng lỗ	13,000

## Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 16 và có thể hướng đến 17 từ 1 đến 3 tháng tới.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. Quý 1.2025 HAG đạt doanh thu 1,380 tỷ đồng và lợi nhuận 341 tỷ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 - 22/7.
- Theo báo cáo quý 1, hiện tại HAG còn khoản vay ngắn hạn hơn 6,000 tỷ và nợ dài hạn 1,435 tỷ. Tỷ lệ nợ vay trên VCSH còn 77%, giảm mạnh so với mức 180% hồi 2020. Tính đến cuối quý I/2025, lỗ lũy kế thu hẹp đáng kể, còn khoảng 82,7 tỷ đồng. Có thể kỳ vọng kết thúc Q2/2025, HAG sẽ xóa được lỗ lũy kế và ra khỏi diện cảnh báo.




HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.6T
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	3,709
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	824
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	1,452
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(357)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,057
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	10,366
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	26,002
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	9,803
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,283
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	15.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	7,912
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,408
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	9,320
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	89.9%


# LỊCH SỰ KIỆN





Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
-------	-------	-------	-------	-------


 Diễn văn của các quan chức Fed (Waller, Hammack, Bostic): Các phát biểu về chính sách tiền tệ lúc 7:30-18:00 ET. Có thể gây biến động trung bình cho USD và trái phiếu, ảnh hưởng kỳ vọng lãi suất Fed, làm lung lay chứng khoán nếu tín hiệu hawkish.


 Các quan chức Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có bài phát biểu. Lời nói của họ về chính sách tiền tệ, lạm phát và tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của đồng Euro và thị trường chứng khoán khu vực.


 Niềm tin người tiêu dùng (Consumer Confidence): Dự báo 95.8 lúc 10:00 ET. Trung bình đến cao cho cổ phiếu tiêu dùng, phản ánh tâm lý kinh tế..


 Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) có thể điều chỉnh lãi suất cho vay. Bất kỳ thay đổi nào đều có thể ảnh hưởng đến dòng vốn toàn cầu, giá cả hàng hóa, và thị trường chứng khoán Trung Quốc. Việc giảm lãi suất sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.


 ISM Sản xuất (Manufacturing PMI): Dự báo 48.9 lúc 10:00 ET. Tác động: Cao cho cổ phiếu công nghiệp, ảnh hưởng toàn cầu nếu dưới kỳ vọng.

 APEC Economic Leaders' Meeting bắt đầu: Có thể gặp Trump-Xi. Tác động: Trung bình đến cao cho KRW, USD/CNY, ảnh hưởng thương mại toàn cầu..

 PMI Flash Eurozone (Manufacturing/Services): Lúc 9:00 UTC. Tác động: Cao cho EUR và cổ phiếu, phản ánh tăng trưởng khu vực, ảnh hưởng ECB.

 PMI dịch vụ Au Jibun (Sep): Lúc không xác định. Tác động: Thấp đến trung bình cho JPY, ảnh hưởng cổ phiếu dịch vụ.

 Báo cáo việc làm Nonfarm Payrolls và Thất nghiệp: Dự báo +39K việc làm, thất nghiệp 4.3% lúc 8:30 ET. Tác động: Rất cao cho USD, chứng khoán toàn cầu, định hình chính sách Fed, có thể gây sụt giảm mạnh nếu yếu.

 PMI Caixin Manufacturing/Services (Sep): Lúc 1:45 UTC. Tác động: Trung bình cho CNY và chứng khoán, báo hiệu phục hồi kinh tế.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	LNC	UPCoM	2/10/2025	3/10/2025	14/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 14 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BMV	UPCoM	2/10/2025	3/10/2025	24/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 41 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	ICC	UPCoM	2/10/2025	3/10/2025	20/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	MZG	UPCoM	2/10/2025	3/10/2025		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	IRC	UPCoM	1/10/2025	2/10/2025	22/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 167 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CCA	UPCoM	1/10/2025	2/10/2025	13/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ICN	UPCoM	1/10/2025	2/10/2025	22/10/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	HTC	HNX	1/10/2025	2/10/2025	16/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SHP	HOSE	1/10/2025	2/10/2025	14/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SGC	HNX	1/10/2025	2/10/2025	8/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PVI	HNX	1/10/2025	2/10/2025	22/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 3,150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	NET	HNX	1/10/2025	2/10/2025	15/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 6,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VCF	HOSE	30/09/2025	1/10/2025	8/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 48,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TCB	HOSE	30/09/2025	1/10/2025	22/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	PVD	HOSE	30/09/2025	1/10/2025	17/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CTR	HOSE	30/09/2025	1/10/2025	15/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PHP	UPCoM	30/09/2025	1/10/2025	20/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TFC	HNX	30/09/2025	1/10/2025	24/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SEA	UPCoM	29/09/2025	30/09/2025	24/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PSN	UPCoM	29/09/2025	30/09/2025	21/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



**THANK YOU**